

LỜI NGỎ.....	02
SÙNG KÍNH ĐỨC MA-RI-A.....	04
CÙNG MẸ MA-RI-A LÊN TRỜI.....	09
VIỆC “ĐỘ VONG” TRONG KI-TÔ GIÁO & PHẬT GIÁO.....	15
NOI GƯƠNG MẸ MA-RI-A – NGƯỜI ĐỒ ĐỆ ĐẦU TIÊN (tt) ..	29
NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG LỊCH SỬ TRUYỀN GIÁO TẠI VN ...	32
CHÚNG TA CÓ THỂ NÊN THÁNH ĐƯỢC KHÔNG ? (tt) .....	40
HÀNH HƯƠNG LÀ GÌ ? .....	43
ĐỨC MA-RI-A HỒN XÁC LÊN TRỜI ? .....	49
TÌNH YÊU CỦA CHA MẸ .....	53
BÁC SĨ GIA ĐÌNH: SỐT XUẤT HUYẾT CÓ GÌ LẠ ?.....	58
TRUYỆN NGẮN: CHIỀU, SAU CƠN MƯA .....	61
BẢN TIN GIÁO HỘI, CONCILIUM & SENATUS.....	67

Thư từ, tin tức, bài viết, thơ, truyện ngắn, tranh, ảnh...

xin vui lòng gửi về hộp thư điện tử trước ngày 15 mỗi tháng:

 [domlegiovn2007@yahoo.com](mailto:domlegiovn2007@yahoo.com)


[daobinhducme@gmail.com](mailto:daobinhducme@gmail.com)

<http://www.daobinhducme.net>

Liên lạc với Hội Đồng Quản Trị Senatus Việt Nam tại:

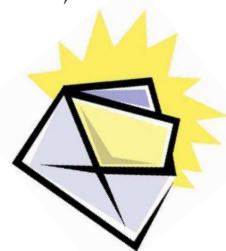
Nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm – Giáo xứ Thị Nghè

22B Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.19 Quận Bình Thạnh,  
Thành phố Hồ Chí Minh – Việt Nam

 38. 992.965 – 0909.394.135 – 0906.753.053 – 0907.844. 786

**LƯU HÀNH NỘI BỘ**

## LỜI NGỎ



Kính thưa: quý Cha Linh Giám các cấp...

Và toàn thể anh chị em Legio Mariae Việt Nam.

Hằng năm đến ngày rằm tháng bảy âm lịch (năm nay nhằm vào ngày 15.08 DL) các chùa đều tổ chức lễ Vu Lan để các Phật tử đến cúng dường, cầu nguyện cho các vong linh được siêu sanh tịnh độ, và cầu cho cha mẹ có được đời sống an lành phước lộc. Đại Lễ Vu Lan là dịp các Phật tử nhớ ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha. Trong ngày này, nhớ ơn mẹ, ở Nhật Bản có tục lệ cài hoa hồng lên áo. Người nào còn mẹ được cài lên áo hoa hồng đỏ, người nào không còn mẹ thì cài hoa hồng trắng. Một vị thiền sư Việt Nam đi du học ở Nhật thấy tập quán này hay và có ý nghĩa nên du nhập tập quán này vào Việt Nam. Bài hát quen thuộc và phong trào "Bông Hồng Cài Áo" được Phật tử hưởng ứng và phổ biến rộng rãi từ đó.

Tình mẹ thương con bao la như trời như biển. Nói đến tình mẹ thì không có thứ tình cảm nào đậm đà và cao quý như tình mẹ thương con. Đã có biết bao nhiêu vần thơ, bao nhiêu câu hò, điệu hát ca tụng tình mẹ thiêng liêng. Có một sự trùng hợp dễ thương là cũng vào trong những ngày giữa tháng tám này, Giáo Hội Công giáo mừng kính Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Có điều gì đó gần gũi, hiệp thông của những người con dân Việt khi nói về Lòng Mẹ, phải không? Trong mọi lãnh vực của cuộc sống, con người thường tìm đủ lý lẽ để phân biệt, tách rời, phe nhóm; nhưng khi trái tim lên tiếng, nhất là trái tim của người mẹ thì thường đem chúng ta gần nhau đến không ngờ.

Vâng, văn hoá Việt Nam gắn liền với cuộc sống và diễn tả tình cảm con người Việt Nam rất sâu sắc, nhất là diễn tả tình mẹ con, một thứ tình cảm thiêng liêng cao quý nhất, mà không ai trong chúng ta có thể chối từ. Ngay chính Con Một Thiên Chúa Nhập Thể Làm

Người cũng đã nhận lấy con đường bình thường mà trân quý ấy. Ma-ri-a, người nữ Si-on đã vâng phục ngay từ ngày đầu khi thiên sứ truyền tin, nhận lấy những nhọc nhằn vất vả của vai trò làm Mẹ. Mẹ đã đảm nhận trọn vẹn thiên chức cao quý nhưng không thiếu khổ đau như bất cứ người mẹ nào trong nhân loại. Trong lòng tin, người mẹ ấy đã âm thầm vâng phục, đón nhận, lắng nghe và bước theo Con của mình trong hành trình cứu độ. Cuối cùng, người nữ ấy được Thiên Chúa đoái thương cất nhắc về Trời cả hồn lẫn xác, một trong bốn đặc ân cao cả Thiên Chúa đã ban cho Mẹ.

Đức tin Công giáo dạy chúng ta tin khi qua khỏi đời này, chúng ta sẽ được hưởng cuộc sống đời đời với Thiên Chúa Tình Yêu, nơi đó không còn khóc lóc thảm sầu, được chiêm ngắm vinh quang Thiên Chúa cách tỏ tường viên mãn. Ma-ri-a, Mẹ của Chúa Giê-su - đã được xót thương và hưởng ân phúc này, cũng là niềm hy vọng cho tất cả mọi tín hữu chúng ta.

Trong tâm tình và niềm vui ấy, **TLHT Legio Mariae** hân hoan cùng với Giáo Hội Mừng Kính Lễ Mẹ Mông Triệu, xin gửi đến những nét sơ lược về Ngày lễ Mông Triệu kèm theo các mục thường xuyên, trong ý thức rằng Đức Mẹ là người giáo dân duy nhất trong lịch sử đã cầu xin bằng trọn linh hồn và xác mình: “Maranatha, lạy Chúa xin hãy đến”, vì thế cho nên lời cầu xin đó đã trở thành hiện thực: “*Và Ngôi Lời đã mặc lấy xác phàm và cư ngụ giữa chúng ta*” (Ga 1,14).

Ngày lễ Mông Triệu cũng là lễ bốn mạng của gần một nửa số nữ Ki-tô hữu mang tên thánh Ma-ri-a, xin cầu chúc cho quý chị em Legio và quý độc giả nhận Đức Ma-ri-a làm thánh bốn mạng:

Luôn Khiêm hạ trước Chúa và mọi người. Luôn Xin vâng theo thánh ý Chúa. Luôn Bác Ái với mọi người. Luôn Khiêm tốn trong sứ vụ giới thiệu Chúa. Luôn Gương mẫu phục vụ anh chị em. Xin cho chúng ta biết noi gương Mẹ sống như Mẹ đã sống.

Ban Thường Trực HĐQT. Senatus Việt Nam.

# Sùng Kính Đức Ma-ri-a

**ĐGM. GBt. Bùi Tuần**

*Đức Mẹ Ma-ri-a đã được hồn xác lên trời. Trời nói đây là thiên đàng. Thiên đàng là quê hương, mà mọi người con Chúa đều nhắm tới. Được vào thiên đàng là hạnh phúc sau cùng, mà mọi người tin Chúa đều mong đợi nhất.*



**L**ễ Mông Triệu là dịp tốt, để chúng ta chứng tỏ lòng mến yêu đối với Đức Mẹ Ma-ri-a.

Lòng mến yêu của chúng ta sẽ được thực hiện nhiều cách, như tăng cường việc dọn bàn thờ Đức Mẹ sao cho xinh đẹp, nhất là tăng cường việc dọn tâm hồn ta sao cho trong sáng.

Với mục đích dọn tâm hồn, chúng ta sẽ để ý đến vài điểm quan trọng trong việc sùng kính Đức Mẹ. Điều căn bản hết sức quan trọng là thực thi thánh ý Chúa.

Suốt cuộc đời Đức Mẹ là lời "Xin vâng" (Lc 1, 38). Vâng phục ý Chúa, thực thi ý Chúa, trong mọi lúc, ở khắp nơi, với bất cứ hoàn cảnh nào.

"Xin vâng" là nền toà nhà đạo đức của Đức Mẹ. "Xin vâng" cũng chính là lương thực nuôi dưỡng Chúa Cứu thế suốt đời tại thế (x. Ga 4,34). Khi đi vào cụ thể, thì thực thi thánh ý Chúa nên đặt nặng mấy điểm sau đây:

## **1. Sống liên hệ mến tin đối với Chúa một cách rất khiêm nhường**

Chúng ta nhớ lại cách Đức Mẹ giải bày mối liên hệ của mình đối với Chúa trong kinh "Ngợi khen".

*"Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa. Thần trí tôi hớn hở vui mừng. Vì Thiên Chúa, Đấng Cứu độ tôi. Phận nữ tỳ hèn mọn, Người đoái thương nhìn tới"* (Lc 1, 46 - 48).

Đức Mẹ xác tín Chúa thương mình. Chúa thương, không phải vì mình có gì đáng Chúa thương, nhưng chỉ vì Chúa "đoái thương nhìn tới".

Tính cách đoái thương mà Đức Mẹ nói đó, sau này đã được thánh Gio-an Tông đồ diễn tả lại như sau: *"Tình yêu cốt ở điều này: Không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, nhưng chính Người đã yêu thương chúng ta, và sai Con của Người đến làm của lễ đền tội cho chúng ta"* (1 Ga 4,10).

Tình yêu của Chúa là tình yêu cứu độ, cứu độ bằng hy sinh mạng sống. Tình yêu quý giá ấy là tình yêu Chúa ban cho ta nhưng không. Ý thức điều đó sẽ giúp chúng ta khiêm nhường. Việc khiêm nhường đầu tiên nên thực hiện là hãy khiêm tốn cảm tạ ngợi khen Chúa. Tâm tình ngợi khen đó sẽ mãi mãi nhìn vào lòng xót thương Chúa.

Đối với những người con Đức Mẹ, tâm tình ngợi khen tình yêu xót thương Chúa phải là sinh hoạt thường xuyên. Nó ví như hơi thở. Nó giữ vai trò ưu tiên trong đời sống cầu nguyện.

Nói thế thì dễ. Nhưng thực tế không luôn dễ. Có vô số cơn cám dỗ luôn tìm cách khuấy động tinh thần cầu nguyện của ta. Vì thế Chúa Giê-su dạy chúng ta: *"Hãy cầu nguyện và tỉnh thức"* (Mc 14, 38). Nghĩa là phải ý tứ đừng lười biếng trong việc cầu nguyện, và trong việc cầu nguyện phải ý tứ đừng để cho ý xấu xen vào.

Chúa Giê-su đã vạch trần những thứ cầu nguyện không phải là ca tụng Chúa mà là xúc phạm Chúa. Như trường hợp những người Pha-ri-sêu cầu nguyện. Cũng nên nhớ trường hợp những người thành Xơ-đôm và Gô-mô-ra dâng lễ cầu nguyện, mà Chúa ghê tởm:

*"Ta chán ghét những ngày đầu tháng, những đại lễ của các người. Những thứ đó đã trở thành gánh nặng cho ta. Ta không chịu nổi nữa. Khi các người dang tay cầu nguyện, Ta bịt mắt không nhìn. Các người có đọc kinh cho nhiều, Ta cũng chẳng thèm nghe"* (Is 1, 14 - 15).

Lý do Chúa ghê tởm những người dâng lễ cầu nguyện đó là vì lòng họ chứa đầy tội ác, nhất là tội ác phạm đến tha nhân. Do đó, sống thực thi ý Chúa là sống liên hệ với tha nhân một cách yêu thương khiêm nhường.

## 2. Sống liên hệ với tha nhân trong tình yêu thương khiêm tốn

Đức Mẹ đã nêu gương cách sống liên hệ đó trong tiệc cưới Ca-na (x. Ga 2, 1-12).

Đức Mẹ can thiệp, để Chúa Giê-su cứu danh dự chủ nhà. Can thiệp đó thiết tưởng không thuộc về phần rối linh hồn. Nhưng Đức Mẹ đã làm. Người làm việc đó một cách khiêm nhường. Đó là một cách sống liên hệ rất cao quý. Hơn là nhân đạo. Hơn là bổn phận bác ái.

Khi coi gương Đức Mẹ đã làm, tôi mới thấy yêu thương tha nhân cần mở ra một chân trời bao la, như Chúa dạy. Thí dụ *"đừng xét đoán, để khỏi bị Thiên Chúa xét đoán (Mt 7,1)*. Phục vụ người đau khổ được kể là phục vụ chính Chúa. Không phục vụ họ bị Chúa kể là không phục vụ chính Chúa (Mt 25, 31- 46).



Kinh 14 mỗi thương xót gồm thương xác 7 mỗi và thương linh hồn 7 mỗi, nay còn đọc, nhưng xem ra chẳng còn mấy giá trị hướng dẫn cuộc sống đạo đức thường ngày.

Cũng thế, điều răn mới Chúa Giê-su truyền lại, nay xem ra cũng chỉ để nhắc nhở. *"Thầy ban cho các con một điều răn mới là các con hãy yêu thương nhau, như Thầy đã yêu thương các con. Ở điểm này mọi người sẽ nhận biết các con là môn đệ Thầy là các con có lòng yêu thương nhau"* (Ga 14, 34-35).

Giáo lý về yêu thương tha nhân rất rộng, rất rõ. Nhưng

thực thi giáo lý đó đến nơi đến chốn xem ra vẫn còn là một ước mơ.

Vì thế, trong cầu nguyện ta cần tỉnh thức, và trong liên đới với tha nhân ta cũng cần tỉnh thức.

Nếu không, kết quả sẽ thế này: Liên đới với Chúa sẽ không làm chứng cho Chúa. Liên đới với tha nhân cũng sẽ không làm chứng cho đạo Chúa và Hội thánh Chúa.

Cứ đà đó, người ta sẽ sống đạo một cách vong thân. Đến mức trầm trọng lúc nào mà không hay biết.

Biết lo điều đó sẽ là điều tốt. Để giải quyết nỗi lo chính đáng ấy, chúng ta nên nhớ lại một lời Đức Mẹ đã nói với những gia nhân tiệc cưới Cana: "*Người bảo gì, các anh hãy cứ làm theo*" (Ga 2, 5). Nghĩa là Đức Mẹ dạy ta hãy tập trung vào Chúa Giê-su Ki-tô. Vì Chúa đã nói: "*Chính Thầy là đường,*



*là sự thực và là sự sống"* (Ga 14, 6).

Sùng kính Đức Mẹ đòi hỏi như vậy. Rất mong, các lễ kính Đức Mẹ sẽ là những dịp chúng ta biết đón nhận ơn đổi mới. Một đàn lòng sùng kính Đức Mẹ sẽ đi vào chiều sâu. Một đàn lòng sùng kính ấy sẽ được thanh luyện.

Chúa muốn con cái Chúa sống đức tin một cách trưởng thành về mọi mặt. Thời buổi này rất cần nhiều cảnh giác, để tránh những sai lầm, lạm dụng và lạm bậy.

Xin Chúa Thánh Thần luôn hướng dẫn chúng ta □



# Cùng Mẹ Ma-ri-a Lên Trời

**Thanh Thanh**

*Trong mọi lãnh vực của cuộc sống, con người dễ quan sát, chú ý để tìm những bài học hay, những kinh nghiệm quý giá để làm giàu đẹp cho cuộc sống. Dịp kính Đức Mẹ hồn xác lên trời năm nay, ta cùng nhau nhìn những nhân đức quý giá của Mẹ để bắt chước, noi theo và dĩ nhiên cũng sẽ được cùng Mẹ lên trời.*

## **Vị Thế Của Mẹ**

Pha-ra-ô, nói với dân Ai-cập khi gặp nạn đói: “Các người cứ đến với Giu-se, ông bảo gì các người cứ làm theo” (St 41, 55). Tại tiệc cưới Ca-na, Mẹ cũng nói: “Hãy đến với Giê-su. Người bảo sao các người làm y như vậy” (Ga 2, 5).

Dù Pha-ra-ô là người giàu có nhất trên thế gian, cũng phải nhờ đến Giu-se. Dù tiệc cưới ở Ca-na có chuẩn bị kỹ lưỡng, cũng phải nhờ đến tiếng nói của Mẹ.

Dù con người có văn minh tiến bộ, khoa học cao cấp, cuối cùng cũng phải nhờ đến Con của

Mẹ mới có được đầy đủ khôn ngoan và thánh thiện.

Thánh Giu-se trên trời “truyền lệnh hơn là van xin”. Tiếng nói của Mẹ cũng giá trị không kém, vì Mẹ biết rõ trái tim con mình thế nào.

E-và cũ có chỗ đứng chót và còn lôi kéo nhiều người ngồi chung. E-và mới là Đức Mẹ có chỗ đứng cao nhất, rồi còn mời gọi được nhiều người đến dự tiệc cưới Con Chiên con Mẹ nữa. Vì Mẹ đã có công bảo dưỡng kho tàng ơn cứu độ đời đời một cách tốt đẹp, nên Mẹ thật xứng đáng được về trời cả hồn lẫn xác cùng với các danh hiệu Chúa ban.



### Nhân Đức Của Mẹ

Đức Mẹ quả là nhạy bén trong cuộc sống, thể hiện bằng cuộc đời quan tâm phục vụ của Mẹ. Có thể nói nhân đức của Đức Mẹ gói gọn trong hai chữ: Phục vụ. Phục vụ Thiên Chúa, phục vụ Con Mẹ, phục vụ các Tông đồ, phục vụ tha nhân.

Mẹ đã phát huy hết nghệ thuật của phục vụ là: đúng đối tượng, đúng lúc, đúng nơi, đúng phong cách và đúng nhu cầu. Nhân đức phục vụ của

Mẹ được thể hiện qua nhiều thái độ:

**Vâng lời.** Mẹ vâng lời như người tôi tớ. Tôi tớ thì luôn tìm ý chủ. Mẹ cũng vậy, luôn tìm ý Chúa, lắng nghe và suy gẫm trong lòng, đi theo Con mình trong sứ vụ của Cha trao phó. *“Này tôi là tôi tớ Chúa, xin Người cứ làm những gì Người muốn nơi tôi”* (Lc 1, 38). Trên thập giá, Chúa Giê-su đã trao Mẹ cho thánh Gio-an. Ngài nói: *“Này là Mẹ anh, từ giờ ấy, người môn đệ*

*rước bà về nhà mình”* (Ga 19, 27).

**Khiêm nhường.** Mẹ không nhận mình là người khôn ngoan, chỉ nhận là *“tôi tớ và xin Chúa cứ làm những gì Người muốn”* (Lc 1, 38). Khi nghe bà I-sa-ve nói: *“Em có phúc hơn mọi người phụ nữ”* (Lc 1, 41), Mẹ không lên mặt làm phách, nhưng cất tiếng nhìn nhận sự thật về thân phận của mình. *“Này tôi là nữ tỳ hèn mọn mà Người đoái thương nhìn tới”* (Lc 1, 48).

**Quan sát.** Mẹ có mắt chú ý quan sát. Nhiều người cùng đi đến dự tiệc, nhưng chỉ Mẹ phát hiện cái khó và ngưng ngừng của gia chủ khi hết rượu đãi khách. Mẹ sẻ chia nỗi lòng ấy và nói với Con mình: họ hết rượu rồi.

**Quan tâm.** Mẹ chắc chắn đã nhìn thấy những người phụ nữ mang thai, và hiểu được những khó khăn vất vả của

các phụ nữ mang thai, nên cần thiết phải đến để giúp chị mình lúc thai nghén.

**Hy sinh.** Mẹ có thể ở nhà, nhưng dành phần thời gian quý báu cho chị họ mình, mặc dù không đâu cho bằng nhà mình.

**Chăm sóc.** Mẹ có đủ lý do để ở nhà lo riêng cho cuộc sống bản thân, nhưng Mẹ lại không làm thế. Mẹ vẫn đến chăm sóc chị mình trong lúc tuổi già. Tuy bà có niềm vui sắp sinh con nhưng lại buồn dần vì cánh cửa cuộc đời đang khép lại.

**Chia sẻ.** Có Mẹ ở nhà chị họ, cả nhà vui vẻ, rộn ràng hẳn lên. Đến cả Gio-an tẩy Giả trong bụng cũng phải nhảy mừng.

**Truyền giáo.** Mẹ ra khỏi xứ sở, quê hương để giới thiệu Chúa cho người khác, chia sẻ hạnh phúc cho tha nhân. Mẹ cũng làm thế khi đến thăm bà Ê-li-sa-bét.

**Trách nhiệm.** Mẹ lo cho Thiên Chúa, lo cho Con mình, lo cho họ hàng, lo cho người thân, lo cho những người xung quanh như khi đi hành hương cùng với họ hàng, láng giềng...

**Đạo đức.** Mẹ, con người của đạo đức. Mẹ hằng lắng nghe và suy gẫm Lời Chúa trong lòng. Mẹ không vội nói, nhưng mau nghe. Điều khó hiểu hay không hiểu thì gẫm suy xem ý nghĩa là gì.

**Tạ ơn.** Mẹ, con người của tạ ơn. Khi được người chị họ chào, Mẹ liền cất lời tạ ơn: *“Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa, Thần trí tôi hớn hở vui mừng vì Thiên Chúa Đấng cứu độ tôi. Phận nữ tỳ hèn mọn người đã đoái thương nhìn tới. Từ nay hết mọi đời sẽ khen tôi diễm phúc. Đấng Toàn năng đã làm cho tôi biết bao điều cao cả. Danh Người thật chí thánh chí tôn”* (Lc 1, 46 - 49).

**Chịu đựng.** Mẹ, con người của chịu đựng và chấp nhận. Chấp nhận chịu lời gièm pha, nghi kỵ, xì xèo của dân chúng khi nhìn, nói và không hiểu đúng về gia đình, về Con mình. Chịu đựng từ phía con mình bởi những lời chẳng tình nghĩa chút nào: Con phải lo việc của cha con..., việc tôi can chi đến bà, giờ ta chưa tới...

**Giữ Luật.** Mẹ là con người của lề luật. Mẹ thực hiện luật tôn giáo, luật xã hội một cách nghiêm túc.

**Đi theo.** Mẹ, con người của đi theo như người môn đệ đích thực. Mọi nơi, mọi lúc đều có Mẹ khi có Chúa, có Chúa là có Mẹ. Vui như ở Cana, phấn khởi vui mừng như hành hương Giê-ru-sa-lem, trầm lặng như ở Na-da-rét, náo nhiệt như ở Ca-phác-na-um hay buồn đau khi đứng bên thập giá con mình ở đồi Can-vê.

**Yêu thương.** Mẹ, con người của tình yêu. Chính tình yêu sâu thẳm khiến Mẹ cần phải thể hiện ra cuộc sống và biểu lộ tình yêu mãnh liệt bằng cách gắn bó chặt chẽ với Con Chí Ái trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống.

**Ngôn sứ.** Mẹ, con người của ngôn sứ. Mỗi một ngôn sứ, tùy vào thời gian mà Thiên Chúa muốn nhắc nhở dân chúng, hoặc muốn làm nổi bật một vài khía cạnh nào đó. Nếu nhìn theo chiều hướng trên thì, Đức Mẹ cũng được kể là một ngôn sứ. Mẹ cũng đã giới thiệu cho ta biết được những điều cao cả, quý giá phát xuất từ Thiên Chúa, từ con Mẹ. Đây cũng là những điều báo trước cho con người biết, rồi đây, con Mẹ sẽ biểu lộ tròn đầy và hoàn hảo sau này.

### **Nhiệm Vụ Của Mẹ**

**Báo trước.** Các nhân đức cho thấy sứ điệp Mẹ đã thực hiện là cho đi và báo trước

những điều hoàn hảo lớn lao nơi người Con Chí Ái. Qua đó, chương trình cứu độ của Thiên Chúa nơi Con Mẹ được biểu lộ rõ dần và rất gần.

**Cộng tác.** Ngay từ đầu khi gặp thiên sứ Gáp-ri-en, Mẹ đã sẵn sàng cộng tác với Thiên Chúa bằng cách để cho Ngài hướng dẫn đời Mẹ theo cách thức khôn ngoan và ý thích của Ngài. Tinh thần này mở ra cho nhân loại con đường cứu độ mới. Là cộng tác bằng sức mạnh của Chúa Thánh Thần làm cho cuộc sáng tạo của Cha mỗi ngày một tốt đẹp, và công trình cứu chuộc của Chúa Con đến được mọi nơi, mọi nhà, mọi người. Nhờ cộng tác với Chúa, nhân loại càng gắn bó và trở nên tốt lành thánh thiện hơn.

### **Cùng Mẹ Lên Trời**

Công phúc của Mẹ thật lớn. Mẹ đã được Thiên Chúa thương ban nhiều đặc ân. Hình ảnh của Mẹ, sách Khải

huyền diệu tả: *“Một người phụ nữ, mình khoác mặt trời, chân đạp mặt trăng, và đầu đội triều thiên mười hai ngôi sao”* (Kh 12, 1).

Vinh quang lớn lao này là sức mạnh để chúng ta phấn đấu vươn lên xây dựng Nước Trời. Mà Nước Trời không phải chờ đến khi chết, mà ngay tại đời này, lúc này và ở đây. Chúa Giê-su trả lời: *“Nước Trời đang ở giữa các người”* (Lc 17, 21). Nước trời thể hiện khi có Chúa Giê-su xuất hiện, đặc biệt ở đời Can-vê, dịp Chúa lên trời, ngày Phục sinh.

Nước Trời ở giữa chúng ta, chính trong hy tế tạ ơn mà Hội thánh cử hành mỗi ngày. Tiệc cưới Ca-na báo trước hình ảnh tiệc Cưới Con Chiên. Hy tế tạ ơn là tiệc thánh đời đời cho ta nắm trước, dù ta vẫn còn là xác đất vật hèn nay còn mai mất, mà Thiên Chúa

vẫn rộng rãi chúc phúc và trao ban cho ta hưởng dùng.

Bất cứ nơi đâu, trái tim, hơi thở và nhịp đập của Mẹ luôn có Chúa Giê-su. Ta cũng hãy bắt chước Mẹ, dành cho Chúa Giê-su một vị thế quan trọng nhất trong đời mình.

*“Những ai được Thiên Chúa đã tiên định, thì người cũng kêu gọi, và những ai được Người kêu gọi thì Người cũng làm cho nên công chính; những ai Người đã làm cho nên công chính, thì Người cũng cho hưởng phúc vinh quang”* (Rm 8, 30). Mẹ đã lên trời, nhưng không lìa bỏ, không cách xa chúng ta, bởi Mẹ đã mời gọi ta: *“hãy đến với Giê-su, Người bảo sao, các con hãy làm như vậy”* (Ga 2, 5) □



# VIỆC "ĐỘ VONG" TRONG KI-TÔ GIÁO và PHẬT GIÁO

Ga. Nguyễn Chính Kết



**N**gười Công giáo coi tháng 11 dương lịch hàng năm là tháng cầu nguyện cho những người quá cố, còn gọi là tháng các Linh Hồn, mà cao điểm là ngày 2-11, là ngày Lễ Cầu Hồn. Nhưng người Phật tử và người theo "Đạo tổ tiên" lại coi tháng 7 âm lịch hàng năm mới là tháng để tưởng nhớ, cúng kiếng và chú

nguyện cho những người đã khuất, mà cao điểm là lễ Vu Lan, ngày Rằm tháng 7, hay cũng gọi là ngày Xá Tội Vong nhân.

Phật tử cũng như Ki-tô hữu đều tin rằng sau khi chết còn có một đời sống khác, và những người còn sống ở trần gian có thể giúp đỡ người đã chết - hiện đang sống trong một đời sống khác -

thoát khỏi cảnh khổ của họ, hay giảm bớt đau khổ cho họ. Tuy nhiên quan niệm về số phận của các vong nhân và về việc Độ Vong của hai tôn giáo này (độ vong: cứu những linh hồn đã quá cố đang đau khổ vì hình phạt) có nhiều điểm khác biệt.

Trong chiều hướng Hội Nhập Văn Hoá và tìm hiểu các Tôn giáo, chúng ta thử so sánh hai quan niệm ấy, đồng thời rút ra những điểm đồng dị.

### **QUAN NIỆM CỦA KI-TÔ GIÁO: SỐ PHẬN ĐỜI SAU**

Người Ki-tô hữu tin rằng con người chỉ có hai đời sống: đời này và đời sau. Đời này ngắn ngủi, hữu hạn, còn đời sau vĩnh cửu, vô hạn. Nhưng số phận của đời sau - hạnh phúc hay đau khổ - lại hoàn toàn tùy thuộc vào cách sống của con người trong cuộc đời ngắn ngủi này, nhất là vào tình trạng tâm hồn trong giây phút cuối cùng của cuộc đời. Người nào khi chết vẫn có ân nghĩa với Thiên Chúa sẽ được hưởng hạnh phúc

vĩnh cửu bên Ngài. Người nào chết trong tình trạng thù nghịch với Ngài, tức mắc tội trọng, thì bị phạt đời đời xa cách Ngài là nguồn hạnh phúc của mình.

### **SỰ THANH LUYỆN**

Tuy nhiên, để xứng đáng thấy Thiên Chúa, xứng đáng kết hiệp với Ngài, Đấng tuyệt đối hoàn hảo, và để hưởng hạnh phúc đời đời, con người cũng phải trở nên hoàn hảo, trong trắng như Chúa Giê-su đã nói: *"Các con hãy nên hoàn hảo như Cha các con trên Trời là Đấng hoàn hảo"* (Mt 5, 48). *"Nếu sự công chính của các con không vượt hơn những người Pha-ri-sêu, các con không được vào Nước Trời"* (Mt 5, 20). *"Phúc cho những tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ thấy Thiên Chúa"* (Mt 5, 8). Hạnh phúc vĩnh cửu đời đời gắn gao như thế thì dù những người thánh thiện nhất cũng không đạt được vì "nhân vô thập toàn". Do đó, để xứng đáng vào Nước Trời, để đạt được tình trạng hoàn hảo trên, con người cần phải



được thanh luyện một thời gian trước khi vào.

Sự thanh luyện đó đã được Giáo Hội định tín trong Công đồng chung thứ 14, năm 1274 tại Lyon: "Linh hồn kẻ chết chưa đền tội hoàn toàn sẽ được thanh luyện sau khi chết với những hình phạt được gọi là thanh luyện" (Ds 856/464). Tín điều đó đã được lặp lại trong nhiều Công đồng sau đó (x. DS 1580/840; 1620/983; 1867/998..)

Mục đích của việc thanh luyện làm cho linh hồn trở nên hoàn hảo, hoàn toàn vị tha, đầy tình thương, không còn một chút tâm địa ích kỷ, độc ác, tham lam nào nữa. Thiên đàng đòi hỏi một sự hoàn hảo như thế, thật là hợp lý, vì đó là một "nơi" (Tạm gọi như thế. Thật ra, Thiên đàng, Luyện ngục hay Hỏa ngục không phải là những nơi hiểu theo nghĩa không gian vật lý cho bằng là những tình trạng tâm linh hoặc tâm lý. Chẳng hạn Thiên đàng là tình trạng tâm linh hoàn toàn hạnh phúc, không còn một chút

đau khổ, của những tâm hồn hoàn hảo, thánh thiện, còn Hỏa ngục là tình trạng tâm linh hết sức đau khổ của những tâm hồn độc ác, xấu xa, ích kỷ), hoàn toàn hạnh phúc, hoàn toàn thánh thiện, là "nơi" chúng ta sẽ trở về để hưởng hạnh phúc muôn đời. Không cần phải xét về phía Thiên Chúa, mà ngay chính chúng ta cũng đòi hỏi điều đó.

Thật vậy, thử hỏi: khi trở về nơi lý tưởng đó để hưởng hạnh phúc, ta có thể hoàn toàn hạnh phúc khi phải sống chung với thân nhân, bạn bè với những tính nết xấu như họ đang có bây giờ không ? Nếu họ còn ích kỷ, còn ác ý, còn lãnh đạm, còn hẹp hòi, còn hay nghĩ xấu cho người khác, dù chỉ một chút xíu, thì họ có thể hoàn toàn hạnh phúc và làm cho ta và những người chung quanh họ cũng hoàn toàn hạnh phúc cho đến đời đời, không hề gây ra một chút đau khổ nào không ? Bản thân ta cũng vậy, ta sẽ còn đau khổ và còn làm người khác đau

khổ nếu ta còn một chút xấu xa, ích kỷ, độc ác. Chưa hoàn hảo mà đã sống ở Thiên đàng thì ta sẽ làm ô nhiễm cái hạnh phúc tinh tuyền - không vương chút đau khổ của Thiên đàng rồi, và biến Thiên đàng trở thành một cái gì không còn là Thiên đàng nữa. Do đó, Thiên đàng đòi hỏi những người bước vào phải hoàn toàn trong sạch, tốt lành, nếu còn chút gì xấu xa, thì phải thanh luyện cho hết.

### **Sự Thanh Luyện Đó Được Gọi Là Luyện Ngục**

Chữ NGỤC khiến người ta liên tưởng tới một nơi chốn, một cảnh tù đầy. Thực ra không nên hiểu cụ thể như thế. Nên hiểu đó là một tình trạng của tâm hồn được thanh luyện, được thánh hoá bằng những đau khổ nội tại cũng như ngoại tại.

- Đau khổ nội tại là đau khổ vì khát khao được ở gần Thiên Chúa, kết hợp với Thiên Chúa là nguồn hạnh phúc của mình mà không được. Sau khi chết, linh hồn hết sức sáng suốt để nhận ra Thiên

Chúa là nhu cầu khẩn thiết nhất, là nguồn hạnh phúc đích thực của mình, nên lòng khao khát Thiên Chúa lúc đó hết sức lớn lao. Tương tự như người rất đói, rất thèm ăn, và có ngay trước mặt một mâm cơm thịnh soạn, đầy hấp dẫn với đủ thứ cao lương mỹ vị, mà lại bị trói chân, trói tay không ăn được. Hay như hai tình nhân yêu nhau tha thiết mà phải sống xa nhau.

- Còn đau khổ ngoại tại cũng được thần học bàn tới, nhưng không được định tín. Giáo Hội Hy-lạp phủ nhận loại đau khổ này. Khổ hình này được thần học truyền thống gọi là "Lửa". Một vài Giáo hoàng diễn tả Luyện ngục có lửa. (Đức In-nô-xen-ti-ô IV (1243-1254) và Đức Clê-men-tê VI (1342-1352) Lửa ở đời này là lửa mẫu nhiệm, vừa là vật chất vừa là tinh thần, vì có thể vừa đốt được thân xác mà vừa đốt được các linh hồn). Sắc lệnh của Công đồng chung Firenze (1438-1445) không còn dùng từ ngữ "lửa" để diễn tả hình phạt nữa, vì các nghị phụ Hy-lạp không

chấp nhận. Các nhà thần học hiện nay cũng không thích lý thuyết nói về lửa đỏ nữa.

Trong tình trạng thanh luyện, người ta thường chỉ nghĩ tới đau khổ các linh hồn đang trông chờ ngày gặp mặt Chúa mà không lưu tâm tới tình trạng tích cực của họ. Chắc chắn các linh hồn ấy có một hạnh phúc rất lớn, rất căn bản là biết chắc chắn mình được cứu rồi, được Thiên Chúa yêu thương, (x. Ds 1488/778), đồng thời họ mến Chúa hết sức vì không còn gì trở ngại lòng yêu mến ấy nữa, và họ cũng ý thức được sự cần thiết của việc thanh luyện này, nên họ sẵn sàng và ước ao chịu mọi khổ hình để sớm gặp Chúa. Lúc đó, khổ hình đối với họ không còn là "khổ" nữa. Cũng như một thí sinh sẵn sàng chấp nhận mọi cực nhọc mệt mỏi của việc học để chuẩn bị một kỳ thi với hy vọng sẽ có một tương lai huy hoàng. Việc thanh luyện vì thế trở thành tự nguyện. Họ sung

sống vì được thanh luyện, được khổ vì Chúa, vì tình yêu.

### VIỆC ĐỘ VONG

Thời gian thanh luyện lâu hay mau chắc chắn tùy thuộc vào tình trạng hay mức độ hoàn hảo của mỗi linh hồn và vào tình thương can thiệp của Chúa. Các tín hữu còn sống có thể giúp các linh hồn được thanh luyện theo những điều kiện nhất định, đó là một tín điều.

Công đồng Tren-tê định tín Lễ Misa có thể được dâng lên để cầu nguyện cho người sống và kẻ chết, cho họ được tha tội, tha hình phạt, cho việc đền tội và cho những nhu cầu khác, (x. Ds 1753/950) đặc biệt cho những người chết trong Đức Ki-tô được tinh luyện (x. Ds 1743/940). Ngoài lễ Misa, các tín hữu còn có những hình thức độ vong khác (Ds 1820/693) như cầu nguyện, bố thí, và làm các việc đạo đức (x. Ds 856/464). Người còn sống có thể đền tội thay cho họ bằng những hy sinh hãm mình, chấp nhận những đau khổ Thiên Chúa

gửi đến một cách vui vẻ, vì một chi thể có thể đền tội thay cho một chi thể khác trong cùng một thân thể, và lại, tội không chỉ có tính cách cá nhân, mà còn có tính xã hội: sự liên đới chịu trách nhiệm. Đương nhiên, tín hữu còn sống càng trong sạch thánh thiện bao nhiêu thì khả năng độ vong càng hữu hiệu bấy nhiêu: Một chi thể chết" không thể giúp cho một chi thể khác "sống" được.

Mọi việc độ vong đều phải qua tay Thiên Chúa chứ không trực tiếp ảnh hưởng tới các linh hồn. Tuy nhiên, Thiên Chúa vẫn luôn luôn tự do. Sự độ vong của chúng ta không phải là một pháp thuật có sức ép buộc Thiên Chúa phải tha cho các linh hồn theo ý ta, hay ảnh hưởng tới Thiên Chúa một cách máy móc, tự động theo những định luật.

Việc độ vong trong Giáo Hội bắt nguồn từ việc làm của Giu-đa Ma-ca-bê. Thời đó, sau một trận đánh, có một số binh sĩ Do-thái tử trận. Khi lục soát các tử thi, người ta tìm ra dưới áo họ

ẩn dấu các đồ vật để cúng tế các thần ngoại lai mà luật cấm. Người do thái tin rằng tuy họ chết đi, khi mang tội đó, nhưng họ vẫn được cứu rỗi. Họ cầu nguyện để xin Chúa tha tội cho những người ấy. Rồi họ quyên góp 2.000 quan tiền nhờ Giu-đa gửi lên Giê-ru-sa-lem để tế lễ chuộc tội. Bản văn khen ông: "Đó là việc làm rất tốt lành và có giá trị cao quý do tin vào việc sống lại, vì nếu không tin vào sự sống lại thì cầu nguyện cho những người chết là uổng công vô ích. Nếu ông nghĩ tới phần thưởng dành cho họ thì quả là tư tưởng lành thánh và đạo đức. Vì thế, ông đã dâng lễ xá tội để người quá cố được tha thứ tội lỗi" (x. 2 Mcb 12, 38-46).

## **QUAN NIỆM CỦA PHẬT GIÁO LUẬT LUÂN HỒI VÀ NHÂN QUẢ**

Trước hết, người Phật tử quan niệm cuộc đời hiện tại không phải là kiếp sống duy nhất của mình mà chỉ là một trong hàng trăm ngàn kiếp sống kết tục nhau như

những mắt xích trong cả một chuỗi xích dài vô tận. Kiếp hiện tại là quả của kiếp quá khứ mà cũng là nhân cho kiếp tương lai. Nghĩa là nếu kiếp này mình làm lành thì kiếp sau gặp hiền, làm ác thì kiếp sau gặp dữ. Bất cứ một động tĩnh nào trong tư tưởng, lời nói, hay việc làm xảy ra nơi con người, đều có nguyên nhân trong quá khứ và đều gây ra hậu quả trong tương lai. Đó là luật nhân quả. Chuỗi nhân quả không bao giờ chấm dứt. Vì thế, con người chết đi để bắt đầu một cuộc sống mới, một kiếp khác. Và cuộc sống mới này mang hình thức nào tùy thuộc cái nghiệp đã gây ra trong kiếp trước. Đó là luật luân hồi.

### LỤC ĐẠO

Luân hồi có 6 nẻo, gọi là Lục đạo, tức 6 cảnh giới, sau khi chết, con người sẽ phải đầu thai vào một cảnh giới trong đó tùy theo nghiệp lực đã tạo trong quá khứ. Lục đạo gồm có: Thiên, Nhân, Atula, Ngạ quỷ, súc sinh,

địa ngục (xếp theo mức độ từ sướng tới khổ).

**Thiên:** cảnh giới của loài "thiên thần" tốt lành, vô hình đối với con người, vì mang thân xác vi tế hơn con người, sống trong những điều kiện dễ dàng hạnh phúc hơn, đời sống cũng lâu dài hơn con người rất nhiều.

**Nhân:** cảnh giới của con người, điều kiện sống khó khăn hơn, nhưng lại là cảnh giới thuận tiện nhất để tu giải thoát, nhờ có sự quân bình tương đối giữa sướng và khổ.

**Atula:** cảnh giới của một loài "thiên thần" (cũng vô hình dưới mắt con người tương tự những sinh linh trong cảnh thiên, nhưng họ phải chịu nhiều đau khổ) xấu, là những sinh linh nhiều tham vọng, ham quyền lực, kiêu căng, ghen ghét, ganh tị nên thường xuyên có chiến tranh, và những đau khổ thiên về thiên thần.

**Ngạ Quỷ:** (nghĩa là quỷ đói) cảnh giới của những sinh linh

tham lam vật chất, của cải, tiền bạc, lạc thú vật chất như ăn uống, nhục dục (cũng vô hình dưới mắt con người). Lúc nào họ cũng khao khát những thứ đó mà không bao giờ được thỏa mãn, khiến họ luôn khổ đau.

**Súc sinh:** cảnh giới của loài vật mà chúng ta vẫn thấy: thú vật, chim chóc, cá. Ít hiểu biết, kém ý thức. Đời sống thấp kém, hầu như không có đời sống tinh thần. Thường xuyên sống trong sợ hãi có thể bị thú khác hoặc bị người giết ăn thịt, hoặc có thể bị thúc đẩy đi giết các thú khác. Tất cả đều sợ đói.

**Địa ngục:** cảnh giới của những sinh linh độc ác, (cũng vô hình dưới mắt con người) hận thù, ích kỷ, ghen ghét, hay giận dữ, hay gây đau khổ cho người khác. Họ phải chịu những cực hình rất đau đớn, khắc nghiệt. Đời sống trong các địa ngục dài hay ngắn tùy theo từng địa ngục khác nhau, tùy theo sự trầm trọng của điều xấu họ đã làm. Tất cả các cảnh giới

trên đều bị chi phối bởi luật vô thường, nên không có ai cứ được hay phải ở mãi trong một cảnh giới nào, vì không có một điều phúc đức nào vô cùng để đáng thưởng đời đời, mà cũng không có một tội ác nào vô cùng để đáng bị phạt đời đời cả. Do đó, sinh linh cứ tái sinh, cứ bị trôi lăn trong lục đạo đó mãi. Chỉ có những con người biết tu tập trí tuệ để giác ngộ được con đường giải thoát mới ra khỏi cái vòng lẩn quẩn đó.

Trong Lục đạo, chỉ có hai cảnh giới được coi là sướng, là cảnh giới Thiên và Nhân, nhưng cảnh giới Nhân là quý hơn cả. Xét về hạnh phúc thì cảnh giới Thiên có nhiều điều kiện thuận lợi hơn, nhưng chính vì thế, mà họ bị ru ngủ không muốn đi tìm sự giải thoát thật sự, để rồi khi họ hưởng hết phúc lành, họ lại rơi vào một cảnh giới khổ hơn. Các Atula thì tâm trí bị thu hút vào việc tranh cãi và hơn thua. Các Nga quý thì quan tâm đến những thèm khát không được thỏa mãn. Súc sinh

thì u mê chỉ nghĩ đến thức ăn và thoả mãn tính dục. Còn sinh linh ở địa ngục thì bị hình khổ đủ cách, nên không có đầu óc đâu mà nghĩ đến đạo giải thoát. Chỉ có con người sống khổ tương đối quân bình, nên có nhiều điều kiện thuận lợi để phát tâm đi tìm con đường giải thoát. Chỉ có con người là có nhiều tự do quyết định hơn cả, có đầu óc sáng suốt hơn cả, để có thể đạt tới trí tuệ giải thoát. Nên trong Lục đạo, chỉ có con người là có nhiều cơ may, nhiều khả năng để thành Phật nhất. Do đó theo Đức Phật, được làm người là cả một cơ hội quý báu không nên uổng phí (kinh Duy Ma Cát, Phẩm Phật Đạo, Phẩm 8 nói rõ điều đó).

### VIỆC ĐỘ VONG

Trong Phật giáo, không có quan niệm về một Đấng Sáng Tạo, điều khiển và chi phối mọi sự. Tất cả đều xảy ra theo quy luật của vũ trụ. Một người bị rơi vào địa ngục hay đầu thai vào cảnh giới nào hoàn toàn không do một

Đấng Tối Cao nào phán xét và định đoạt cả. Cũng y như một người xử dụng dao không khéo bị đứt tay, hay một người ích kỷ bị mọi người ghét, một người vui vẻ được nhiều người thương. Đó là luật Nhân Quả tác động một cách khách quan như bao định luật khác. Việc độ vong cũng chỉ dựa vào luật nhân quả mà cứu, chứ không cầu khẩn ai được cả. Cũng như muốn cứu một người bị điện giật, bị bệnh ung thư, điều quan trọng là có biết cách cứu hay không, có biết những định luật về điện hay về bệnh tật hay không. Định luật có nhiều thứ, vật lý, tâm lý, siêu vật lý, siêu tâm lý.

Quan niệm của người Phật tử về việc độ vong căn cứ trên câu chuyện trong kinh Vu Lan: Mục Kiều Liên được Đức Phật chỉ dạy cách cứu mẹ mình là bà Thanh Đề thoát khỏi kiếp Nga quý. Phật dạy ông mời những vị cao tăng vừa "an cư kiết hạ" (An cư kiết hạ: là thời gian Phật quy định cho chư tăng ở mỗi địa phương phải hội về

một nơi thuận tiện để chuyên tu mỗi năm, từ 16.4 đến 15.7 âm lịch. Tương tự như tĩnh tâm, cấm phòng hay linh thao bên Ki-tô giáo). Suốt ba tháng xong, tới chú nguyện để vong linh mẹ ông chuyển tâm địa độc ác thành tâm địa lành, nhờ đó mà thoát khỏi kiếp Nga quỷ, sinh vào cảnh giới hạnh phúc hơn.

Trong việc cứu bà Thanh Đề, mẹ của Mục Kiều Liên, Phật đã áp dụng tới sức mạnh của sự chú nguyện (chú nguyện: chú là chú ý, tập trung tư tưởng, hay năng lực tinh thần vào việc gì; nguyện là cầu mong, ước muốn) khác với cầu nguyện bên Ki-tô giáo, chú nguyện là tập trung hết năng lực tinh thần của mình để ước muốn điều gì, năng lực được tập trung lại đó nếu dù có thể làm biến chuyển, thay đổi tình thế. Đây là vấn đề sức mạnh của tư tưởng mà các nhà tâm lý học hiện đại đều công nhận, của rất nhiều người có năng lực tinh thần rất mạnh (các cao tăng sau thời gian tinh tấn tu hành - ba tháng

"linh thao") để tác động vào bản thân của bà Thanh Đề khiến bà thay đổi tâm địa (từ tâm ích kỷ bủn xỉn độc ác, thành tâm vị tha, quảng đại từ bi). Tâm thay đổi thì sướng khổ cũng thay đổi theo như câu: "Tội tùy tâm sinh, tội tùng tâm diệt" hay "khổ tùy tâm sinh, khổ tùng tâm diệt". Nhờ vậy bà thoát khỏi cảnh giới nga quỷ, sinh vào cảnh giới lành, không có sự can thiệp của thần linh nào vào đây cả.

Lễ Vu Lan cũng như tháng 7 âm lịch là dịp để cho người Phật tử đặc biệt làm công việc cứu độ ấy bằng sự chú nguyện, không những cho cha mẹ ông bà tổ tiên mình mà còn cho nhiều người khác nữa.

## **SỰ ĐỒNG DỊ GIỮA HAI QUAN NIỆM NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG**

- Điểm căn bản nhất là cả hai tôn giáo đều cho rằng các tín đồ còn sống đều có thể cứu độ những vong linh quá cố.

- Những đau khổ sau khi chết đều là kết quả của những việc



làm sai trái, không hoàn hảo của đương sự khi còn sống. Vì điều thiện sinh quả lành là hạnh phúc, điều dữ sinh quả dữ là đau khổ.

- Mỗi năm, cả hai tôn giáo đều có một ngày lễ đặc biệt để tưởng nhớ và cứu độ người quá cố, thậm chí dành ra cả tháng để làm công việc này. Việc cầu nguyện của Ki-tô hữu hay việc chú nguyện của Phật tử để độ vong có hữu hiệu hay không thì tùy thuộc vào lòng thành tâm, sự trong sạch, thánh thiện hay mức độ tu luyện tâm linh của tín hữu còn sống. Và nhiều người cùng hợp nhau cầu nguyện hay chú nguyện thì việc độ vong có kết quả hơn.

- Việc độ vong trong cả hai tôn giáo đều được coi là bổn phận của những người còn sống, để tỏ lòng thảo hiếu đối với ông bà cha mẹ cũng như cứu huyền thất tổ, để tỏ lòng biết ơn đối với các ân nhân, và lòng từ bi bác ái đối với những vong linh khác, nhất là những vong linh không nơi nương tựa.

### **NHỮNG ĐIỂM DỊ BIỆT**

- Theo Phật giáo, mọi việc lành dữ của con người đều gây ra những hậu quả tốt xấu theo quy luật nhân quả, không có ai xét xử hay luận phạt cả. Còn theo Ki-tô giáo, Thiên Chúa là Đấng xét xử mọi việc làm và thưởng phạt công bằng. Như thế, một đảng chỉ có quy luật nhân-duyên-quả tác động một cách thích hợp, một đảng là có Đấng cầm cân nẩy mực.

- Ki-tô giáo quan niệm chỉ có hai "đời ": đời này và đời đời (vĩnh cửu). Đối với những người tốt lành nhưng chưa hoàn hảo thì còn một giai đoạn trung gian để chịu những đau khổ thanh luyện. Việc độ vong chỉ nhằm đối tượng là những người này, chứ không độ vong cho những người đã hưởng mặt Chúa, hay vĩnh viễn phải xa lìa Chúa. Còn Phật giáo quan niệm có vô số kiếp liên tục tiếp theo nhau, có giai đoạn trung gian thân trung ấm. Trừ những người tu giải thoát hay thành Phật, tất cả mọi người đều phải đầu thai lại vào một trong 6 nẻo

của Lục đạo. Việc độ vong chỉ nhắm tới những người đang đau khổ từ kiếp người trở xuống. Không có một sinh linh nào đáng thất vọng vì bị hư mất đời đời đến nỗi không độ vong được.

- Việc độ vong của Phật giáo là dùng sức mạnh tinh thần của việc chú nguyện để ảnh hưởng trực tiếp tới tâm địa của những người đang bị đau khổ trong kiếp sau của họ, hầu trợ thêm sức lực tâm linh cho họ để họ thay đổi tâm địa từ xấu thành tốt. Nhờ vậy họ thay đổi được số phận như vậy cũng là áp dụng những định luật tâm linh vốn tác động một cách phù hợp để đạt mục đích. Người sống cũng có thể nhớ những người khác có nhiều năng lực tinh thần hơn - càng đông càng tốt - để chú nguyện thay cho mình. Những người khác đó có thể là những người đang cùng sống với mình, mà cũng có thể là những vị Phật hay Bồ Tát hoặc đang ở một cõi nào đó hoặc đang hiện thân làm

người đồng thời với mình. Việc cầu siêu chính là nhờ những thể lực chú nguyện của các bậc chân chính tu hành cùng sự hộ niệm của tín đồ thành tâm cầu xin chư Phật, Bồ Tát gia hộ.

- Còn người Ki-tô hữu dùng lời cầu nguyện, những việc đạo đức, những việc thiện, sự hy sinh hãm mình và nhất là dâng thánh lễ hay xin lễ để cầu xin Thiên Chúa (hoặc gián tiếp nhờ các Thánh cầu bầu cùng Chúa). Thiên Chúa sẽ tác động tới các linh hồn đang thanh luyện cách nào đó để họ vẫn trở nên hoàn hảo xứng đáng hưởng hạnh phúc bên Thiên Chúa, nhưng được giảm phần đau khổ do thanh luyện. Mọi sự đều hoàn toàn tùy thuộc vào tình thương của Thiên Chúa, chứ không theo định luật tự nhiên nào tác động cách máy móc cả. Người sống không thể tác động trực tiếp tới các linh hồn được.

### **ÁP DỤNG MỤC VỤ**

Lễ Vu Lan của Phật giáo đã ảnh hưởng sâu rộng trong quần

chúng (kể cả ngoài Phật giáo), đã đi sâu vào tâm thức của dân tộc góp phần tài bồi văn hóa VN. Ví thế, người Ki-tô hữu VN nên coi lễ Vu Lan như một nét văn hóa, một phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc, và nên áp dụng tinh thần tốt đẹp của phong tục này. Chúng ta vừa là người trong Giáo Hội, vừa là thành phần của dân tộc VN, nếu đã sentire cum Ecclesia (cảm thông cùng Giáo Hội) thì cũng nên sentire cum Patria (cảm thông cùng dân tộc mình). Xin gợi ra một vài điểm sau đây để cùng suy nghĩ:

- Đang khi đa số dân tộc ta dành ra tháng 7 âm lịch mỗi năm để tưởng nhớ tới ông bà tổ tiên và những người đã quá cố, chúng ta cũng nên cùng làm điều đó với họ theo cách thức của người Ki-tô hữu chúng ta. Thực ra, Giáo Hội cũng dành ra cả tháng 11 để mọi người Ki-tô hữu trên thế giới làm việc đó. Nhưng rất tiếc hai thời gian đó không trùng với

nhau. Vì thế, trong tinh thần hoà mình với dân tộc chúng ta nên làm việc đó hai lần trong năm: một lần cùng với Giáo Hội, một lần cùng với dân tộc mình. Những người thân đã quá cố của chúng ta hẳn sẽ ủng hộ điều này.

- Để hoà mình hơn nữa với dân tộc, chúng ta có thể làm bàn thờ gia tiên trong nhà của mình. Hình thức thế nào thì tùy theo sáng kiến của từng gia đình. Có thể làm bàn thờ gia tiên ngay dưới bàn thờ Chúa, để khi hướng về bàn thờ cầu nguyện thì cũng nhìn thấy những biểu tượng (như hình ảnh, kỷ vật) của người quá cố để tưởng nhớ và cầu nguyện cho họ. Miễn sao đừng để bàn thờ gia tiên nổi bật hơn bàn thờ Chúa. Luôn luôn phải nhớ nguyên tắc: Chúa thì thờ, tổ tiên thì kính nhớ. Có thể dùng nhang, bông hoa, đèn nến làm biểu tượng cụ thể của lòng thành kính (đương nhiên

không phải để vong linh người chết hưởng, đó chỉ là hình thức văn hóa để tỏ lòng kính nhớ. Thời Cựu ước, dân Do-thái sát tế chiên bò đâu phải để cho Thiên Chúa ăn, đó chỉ là hình thức tôn giáo để biểu lộ sự thuần phục đối với chủ tể tối cao của mình).

- Mỗi gia đình đều có tổ tiên để kính nhớ, thì cả dân tộc cũng thế. Tổ tiên của dân tộc VN là các vua Hùng Vương, được cả nước làm giỗ vào ngày 10.3 âm lịch mỗi năm, bằng một lễ hội trọng thể tại các đình. Thiết tưởng, chúng ta cũng nên tưởng nhớ và cầu nguyện cho tổ tiên của cả dân tộc mình trong ngày đó, cụ thể trong thánh lễ đúng ngày. Chẳng lẽ chúng ta chỉ dành việc cúng giỗ tổ tiên dân tộc cho những anh em tôn giáo khác làm thế mình.
- Nếu mỗi gia đình đều nên có một bàn thờ gia tiên, thì tại một số nhà thờ lớn mang tính

cách quốc gia hay thành phố lớn, nên có một bàn thờ kính nhớ tổ tiên của cả dân tộc mình ở một chỗ nào đó thuận tiện và thích hợp. Cần phải khuyến khích tinh thần thảo kính đối với tổ tiên của cả nước, có như thế mới tạo nên tinh thần dân tộc, gợi lên lòng yêu nước thương nòi, bày tỏ lòng biết ơn tiên nhân điều đó chẳng hợp với tinh thần thư chung 1980 của HĐGMVN sao ?

- Trong tâm tình tri ân đối với tổ quốc, chúng ta cũng không nên quên những vị anh hùng dân tộc trong quá khứ đã viết nên trang sử oai hùng cho đất nước, và biết bao chiến sĩ khác đã đổ máu ra để bảo vệ quê hương xứ sở này, cho ta được sống yên vui, ấm no, hạnh phúc. Chúng ta có bổn phận nhớ ơn và cầu nguyện cho họ, đặc biệt trong tháng các linh hồn mỗi năm □

# Noi gương Mẹ Ma-ri-a người đồ đệ đầu tiên (tt)

(Nguồn: R. Veritas Asia)

## Hail Mary Full of Grace



The Lord is with Thee

## II. Ca Tụng Mẹ Ma-ri-a Qua Lời Kinh Kính Mừng

### 2.1 Ave Maria

Chúng ta đã nhiều lần đọc kinh Kính Mừng để ca tụng Mẹ Ma-ri-a. Đây là lời kinh đầy ý nghĩa Kinh Thánh. Phần thứ nhất của lời kinh, là lời chúc tụng Mẹ Ma-ri-a,

được lấy từ lời chào của Sứ Thần trong biến cố truyền tin, và lời chào của bà Ê-li-sa-bét trong biến cố thăm viếng. Theo tường thuật của Tin mừng theo thánh Lu-ca, chương 1, câu 28, thì mở đầu biến cố truyền tin, Thiên Thần Gáp-ri-en đã cất tiếng chào Mẹ như sau:

*"Xin mừng đi! Thưa Cô được Chúa ban đầy ơn phước! Chúa ở cùng Cô".*

Lời Kinh Thánh được diễn tả lại trong lời kinh: "Kính mừng Ma-ri-a, đầy ơn phước! Đức Chúa Trời ở cùng Bà". Sứ Thần Gáp-ri-en được Thiên Chúa sai đến với Mẹ Ma-ri-a, và do đó, lời chào của sứ thần bộc lộ được lời chào và sự chúc lành của Thiên Chúa cho Mẹ Ma-ri-a: Mẹ được đầy tràn mọi ơn phước. Thiên Chúa ở cùng Mẹ luôn. Đây là thực thể cao trọng tuyệt vời của Mẹ, là một đặc ân Thiên Chúa ban cho Mẹ. Bản văn tiếng Hy-lạp diễn tả thực thể này bằng một từ ngữ duy nhất là: Kê-ka-ri-tô-mê-nê. Các nhà chú giải hiểu đó là tên gọi mới của Mẹ Ma-ri-a. Mẹ là Đấng đầy ơn phước. Theo truyền thống Á đông, tên gọi là người, tên gọi nói lên lý tưởng sống của chính người đó. Khi cha mẹ đặt tên cho con, thì muốn cho người con đó được sống như vậy, được thực hiện điều mong ước. Nơi con người, thì có sự

khác biệt giữa ước muốn của cha mẹ, và sự thực hành ước muốn đó nơi người con. Cha mẹ muốn cho con mình tốt, nhưng không có quyền năng đủ để thực hiện, chỉ mong sao là một ngày kia khi con mình lớn lên, thì có thể thực hiện điều mơ ước đó. Nhưng đối với Thiên Chúa thì khác: Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng. Ngài phán và sự vật được thành hình tuân theo. Trong biến cố tạo dựng, Thiên Chúa chỉ phán và sự vật được thành hình ngay tức khắc. Thiên Chúa muốn Mẹ Ma-ri-a được đầy ơn phước ngay từ đầu, và thật sự Mẹ Ma-ri-a được đặc ân ngay từ đầu. Mẹ là Đấng đầy ơn phước ngay từ đầu. Mẹ là Đấng vô nhiễm nguyên tội. Vào giây phút truyền tin, Thiên Thần công bố cho Mẹ và từ đó cho mọi người biết, đặc ân cao vời của Mẹ, và kính chào mẹ, chúc tụng Mẹ: Kính mừng Ma-ri-a, đầy ơn phước. Thiên Chúa ở cùng Bà... Nền tảng cao trọng của phẩm giá con người là ở đây, là hệ tại ở việc con người

được tràn đầy mọi ơn phước lành của Thiên Chúa, được Thiên Chúa ở cùng mình luôn mãi, chớ không hề tại ở những cửa cải vật chất bên ngoài. Kính chào Mẹ Ma-ri-a với lời chào của Thiên Thần, chúng ta vừa tôn vinh Mẹ mà cũng vừa được mời gọi "nâng tâm hồn lên", thay đổi tâm thức phán đoán của mình, không xét người theo quan điểm tầm thường phàm trần, nhưng theo quan điểm của Thiên Chúa: Con người được chúc phúc, được cao trọng vì được Thiên Chúa chúc phúc, được Thiên Chúa ở cùng.

Sau lời chào chúc của Thiên Thần Gáp-ri-en, lời thứ hai trong kinh Kính Mừng là lời chào của bà Ê-li-sa-bét trong biến cố thăm viếng. Tin mừng theo thánh Luca, chương 1, câu 41 và 42, đã ghi nhận rằng: Bà Ê-li-sa-bét được tràn đầy Thánh Thần mới cất tiếng chúc tụng Mẹ Ma-ri-a rằng:

*"Bà vinh phúc nhất hàng phụ nữ. Con lòng bà vinh phúc*

*lắm thay".* Và kinh Kính Mừng đã diễn tả lời Kinh Thánh đó như sau:

"Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ. Và Giê-su, Con lòng bà, gồm phúc lạ". Chúng ta có thể hiểu lời chào của bà Ê-li-sa-bét như là lời chào của con người đối với Mẹ Ma-ri-a. Nhưng để được chào chúc Mẹ Ma-ri-a như vậy, Bà Ê-li-sa-bét cần được ơn Chúa Thánh Thần soi sáng và tuân phục theo ơn soi sáng đó. Tin mừng theo thánh Luca, chương 1, câu 41, đã nhấn mạnh rõ ràng chi tiết này. Con người chúng ta, để có thể nhìn nhận ơn đặc biệt Mẹ Ma-ri-a đã lãnh nhận, và cất tiếng kính chào Mẹ là Đấng có phước, thì cũng cần có Chúa Thánh Thần soi sáng và tuân phục theo ơn soi sáng của Ngài.

Nhìn lên sự tuyệt vời cao cả của Mẹ Ma-ri-a, chúng ta ý thức thân phận yếu hèn tội lỗi của mình và chạy đến xin Mẹ trợ giúp: - Thánh Ma-ri-a, Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng con là kẻ có tội khi này và trong giờ lâm tử. Amen □

(Còn tiếp)

# NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG LỊCH SỬ TRUYỀN GIÁO TẠI VIỆT NAM



Thánh Nữ A-nê Lê Thị Thành

**P. Vũ Cao O.P.**

*Hội Thánh Việt Nam tự hào về những người mẹ, người chị quả cảm, lòng tin kiên vững và lòng yêu mến sắt son; tự hào vì đã có những người mẹ, người chị, đã anh dũng đổ máu chẳng thua kém bậc nam nhi, để làm cho hạt giống đức tin trở sinh hoa trái trên dải đất Việt Nam.*

**T**rong xã hội vai trò của phụ nữ thường bị xem nhẹ. Nhưng đối với Đức Giê-su, phụ nữ có một vai trò đặc biệt. Cô Ma-ri-a Mác-đa-la là người đầu tiên được Đức Giê-su phục sinh trao cho sứ vụ loan báo tin vui: Chúa đã sống lại thật! Sách Tin mừng thuật lại sau khi gặp Chúa phục sinh, cô Ma-ri-a Mác-đa-la

đã vội vã đi báo cho các môn đệ: “Tôi đã thấy Chúa”, và bà kể lại những điều Người đã nói với bà (x. Ga 20, 18). Cho đến hôm nay, sứ điệp phục sinh được công bố bởi miệng lưỡi của một người phụ nữ đã “vang đến tận cùng” cõi đất. Lịch sử Hội Thánh đã chứng minh: phụ nữ cũng có



một vai trò quan trọng trong sứ vụ loan báo Tin mừng cứu độ.

Có thể nói, người phụ nữ Công giáo Việt Nam cũng đã góp công lớn trong công cuộc truyền giáo cho quê hương xứ sở mình. Hội Thánh Việt Nam hôm nay là thành quả của biết bao công sức và máu đào của các giám mục, linh mục, các thầy giảng và rất nhiều giáo dân nam nữ. Hội Thánh Việt Nam tự hào về những người mẹ, người chị quả cảm, lòng tin kiên vững và lòng yêu mến sắt son; tự hào vì đã có những người mẹ, người chị đã anh dũng đổ máu chẳng thua kém bậc nam nhi, để làm cho hạt giống đức tin trở sinh hoa trái trên dải đất Việt Nam.

Chúng ta cùng nhìn lại những trang sử hào hùng mà các chị em phụ nữ đã viết vào lịch sử công cuộc truyền giáo tại Việt Nam.

### **1. Nhiệt thành rao truyền đạo Chúa**

Trong các công cuộc truyền giáo đầy gian nan và trắc trở, các

cha thừa sai Dòng Tên đã nhận được nhiều sự trợ giúp đặc lực và khéo léo của các bà. Trong số đó, người ta phải kể đến bà Ma-ri-a Minh Đức vương thái phi, cô của chúa Nguyễn Phúc Lan (1635-1648). Bà Ma-ri-a Minh Đức lãnh nhận Phép Rửa năm 1624 do cha De Pina, lúc đó bà đã ngoài 76 tuổi. Nhà nguyện của bà được kể như là Hội Thánh tại gia của giáo đoàn vùng kinh đô.

Năm 1640, cha Đắc Lộ trở lại Việt Nam. Hay tin chúa Nguyễn Phúc Lan muốn buôn bán với người Bồ, nên cha Đắc Lộ đem lễ vật lên vương phủ Kim Long, xin yết kiến nhà vua. Cha được tiếp đón niềm nở. Khi nghe biết cha Đắc Lộ tới kinh đô, bà Ma-ri-a Minh Đức đã cho người mời cha đến dinh thự của bà. Lợi dụng cơ hội này, cha đã ở lại nhà nguyện của bà Ma-ri-a Minh Đức để gặp giáo dân vùng kinh đô. Suốt ngày đêm, các tín hữu kéo nhau đến gặp cha để lãnh các bí tích. Họ sốt sắng tham dự Thánh

Lễ. Cha đã cử hành Tuần Thánh năm đó tại nhà nguyện của bà Minh Đức. Trong lễ phục sinh, cha đã làm phép Rửa cho ba bà thuộc hoàng tộc và một thầy sãi. Cả bốn người đều là do hoạt động tông đồ của bà Minh Đức. Trong những lần trở lại Việt Nam sau đó, nhà nguyện của bà Ma-ri-a Minh Đức luôn là cứ điểm truyền giáo an toàn của cha Đắc Lộ trong thời bách hại đạo.

Cuối năm 1648, bà Ma-ri-a Minh Đức từ trần, hưởng thọ trên 80 tuổi. Bà là nơi nương tựa, che chở của giáo đoàn xứ Nam trong thời bách hại. Sự ra đi của bà để lại một niềm thương tiếc to lớn cho cả giáo đoàn vùng kinh đô.

Bên cạnh bà Ma-ri-a Minh Đức, còn có nhiều bà khác nữa cũng nhiệt thành với việc truyền rao đạo thánh Chúa. Các bà đã vận dụng sự khéo léo của nữ tính, biết tận dụng mọi hoàn cảnh, mọi nơi và mọi thời thuận tiện để rao truyền đạo Chúa cho những người thân cận, đồng bào lương giáo.

Chuyện kể rằng, có bà quả phụ đô trấn Thăng Long, tên thánh là Gio-an-na. Từ khi quan đô trấn qua đời, thì bà được gọi vào trông coi các cung nữ trong vương phủ. Nhân thời thuận tiện này, bà đã khuyên bảo được nhiều cung nữ, vương phi tin theo đạo Chúa, trong số này có hai vương phi của hoàng tử đã mất và một nàng hầu. Thế rồi, cả bốn bà hợp lực truyền giáo cho các vương phi, cung nữ trong vương phủ. Có một bà khác, tên thánh là Sao-la, được chúa Trịnh tin dùng vào việc nấu ăn dọn bữa. Vì là người có đạo, nên vua rất tín nhiệm và an tâm về những bữa ăn bà dọn. Nhiều lần vua muốn bà lập lại các bài giảng của các linh mục ở nhà thờ, và bà đã sử dụng cơ hội thuận tiện này để nói cho vua biết về đạo Chúa.

Một đời sống tốt lành, những công việc bình thường của người phụ nữ như nấu cơm, dọn bữa, những cuộc nói chuyện, những hy

sinh thầm lặng, v.v... tất cả đều có thể trở nên những phươngng thế truyền giáo hữu hiệu của người phụ nữ Công giáo Việt Nam.

## 2. Nhiệt thành tuyên xưng đức tin

Hội Thánh Việt Nam luôn tự hào vì đã có nhiều chứng nhân đức tin là nữ tín hữu. Sử sách còn để lại những câu chuyện thật cảm động về cuộc tuyên xưng đức tin anh hùng của họ. Các bà mẹ, các chị em đã tỏ ra can đảm phi thường, chấp nhận mọi đau khổ và nhục nhã để một lòng trung thành với đạo thánh Chúa.

Một bà mẹ Công giáo can đảm phi thường, chẳng thua kém



các bậc nam nhi, đó là bà thánh Anê Lê Thị Thành, tục gọi là bà thánh Đê. Bà sinh khoảng năm 1781, tại làng Bái Điền, huyện Yên Định, Thanh Hoá, sau theo mẹ về quê ngoại ở Phúc Nhac, Ninh Bình. Năm 17 tuổi, cô Lê

Thị Thành kết hôn với anh Nguyễn Văn Nhất, người cùng làng. Họ sống với nhau hạnh phúc và sinh được sáu người con, người con cả tên là Đê. Bà Đê là một người con dâu hiếu thảo, một người vợ hiền thực đảm đang và là một người mẹ rất mực yêu thương con cái. Bà nuôi nấng, dạy dỗ con cái lớn khôn, một lòng sống trung thành với đạo thánh Chúa.

Dưới thời vua Thiệu Trị, cuộc bách hại đạo ngày càng quyết liệt. Vì kính trọng và quý mến các cha, bà Đê đã không ngần ngại giúp đỡ và che dấu các ngài. Bà dành một khu nhà đặc biệt để các ngài trú ẩn. Chính đức ái đó đã dẫn bà Đê đến phúc tử đạo. Ngày 14 tháng 04 năm 1841, vào sáng sớm ngày lễ phục sinh, bà đã bị bắt cùng với cha Galy Lý và một số giáo dân khác.

Trong thời gian bị giam giữ, lính tráng đánh đập bà tàn nhẫn, toàn thân bà bầm tím máu. Tuy là phận nữ yếu đuối, nhưng bà đã tỏ ra can đảm cách phi thường, không nao núng, vui vẻ chấp

nhận những cực hình tra tấn. Khi chồng đến thăm, bà giải thích vì sao bà được kiên tâm như vậy: *“Họ đánh đập tôi vô cùng hung dữ, đến độ đàn ông cũng chẳng chịu nổi, nhưng tôi đã được ơn Đức Mẹ giúp sức nên tôi ít cảm thấy đau đớn”*. Con gái vào tù thăm mẹ, khóc lóc khi thấy thân thể bà bầm tím máu, áo bê bối loang lổ vết máu, bà hài hước an ủi: *“Con đừng khóc mẹ nữa, mẹ mặc áo hoa hồng thắm đỏ, sao con khóc?”*. Bà coi những vết máu như vòng hoa khoác lên cổ người chiến sĩ thắng trận khai hoàn. Rồi bà nói với cô: *“Con hãy về chuyển lời mẹ bảo anh chị em con săn sóc việc nhà, vững tâm giữ đạo, sáng tối đọc kinh xem lễ, cầu nguyện cho mẹ và Thánh giá Chúa đến cùng. Chẳng bao lâu mẹ con ta sẽ đoàn tụ trên nước Thiên đàng”*.

Vì bị những cực hình tra tấn và phải chịu đói chịu khát, nên bà đã kiệt sức và chết rũ tù ngày 12 tháng 07 năm 1841, sau

ba tháng bị giam cầm vì đức tin, thọ 60 tuổi. Đức Pi-ô X đã tuyên bà A-nê Lê Thị Thành lên bậc chân phúc ngày 02.05.1909.

Bên cạnh bà thánh Đê, còn có nhiều bà mẹ, nhiều chị em phụ nữ khác nữa, tuy không được lãnh phúc tử đạo, nhưng cũng đầy cam đảm và chí khí vì đã tin tưởng yểm trợ tinh thần cho cha, cho chồng, cho con trong cuộc tuyên xưng đức tin cao đẹp. Trong các cuộc bách hại đạo, quan quân thường bắt tất cả đàn ông trong làng có đạo, giam vào một nơi, rồi sai lính bắt vợ con đưa ra uy hiếp, phải khuyên dụ các ông chối đạo, nhưng các bà, các chị đã làm điều ngược lại: khuyên nhủ chồng con trung thành với Chúa cho đến cùng. Xin kể ra đây một vài chứng tích:

- Con gái ông **Lý Mỹ** 12 tuổi, trốn mẹ vào thù thăm cha, cô thưa với cha: *“Xin cha cam đảm chết vì Chúa”*. Còn bà Mỹ thì nói trong tiếng ghen ngào: *“Vợ con ai mà chẳng thương tiếc, nhưng ông hãy hy sinh vàc*

*thánh giá rất nặng vì Chúa. Hãy trung thành đến cùng, đừng lo nghĩ đến mẹ con tôi. Thiên Chúa sẽ quan phòng tất cả”.*

- Bà mẹ của **Jaccard Phan**, khi nghe tin con chịu chết vì đức tin, đã reo lên: *“Thật là tin vui, gia đình ta có một vị tử đạo”.* Bà nói tiếp: *“Xin chúc tụng Chúa, tôi sẽ buồn biết bao, nếu con tôi chịu khuất phục trước gian khổ và cực hình”.*

- Bà mẹ của binh sĩ **An-rê Trông** đã theo gương “Nữ Vương các thánh tử đạo”. Bà có mặt trong cuộc hành quyết để dâng hiến người con trai duy nhất. Bà đi bên cạnh con, không than khóc, không buồn rầu, bà động viên khuyến khích con trung tín với Chúa đến cùng. Khi đầu của vị tử đạo rơi xuống, bà mạnh dạn tiến vào pháp trường và nói với quan: *“Đây là con tôi, xin các ông trả lại cái đầu nó cho tôi”.* Rồi bà mở rộng vạt áo, bọc lấy thủ cấp của người con trai yêu quý, rồi đem về an táng trong vườn nhà.

Tuyệt vời những bà mẹ Công giáo Việt Nam! Hình ảnh Đức Trinh nữ Ma-ri-a đứng kề bên thánh giá ngời sáng nơi các mẹ, các chị. Chắc hẳn, khi các vị tử đạo chịu muôn cực hình đau khổ bao nhiêu, thì trái tim của



các mẹ, các chị cũng ngập muôn nỗi khổ đau bấy nhiêu. Trong cuộc tuyên xưng đức tin cao đẹp của các vị tử đạo, những người phụ nữ Công giáo Việt Nam cũng đã dự phần vào phúc tử đạo của các chứng nhân đức tin.

### 3. Nhiệt thành hoạt động tông đồ

Trong khi các linh mục truyền giáo bị cấm hoạt động, thì hầu hết các họ đạo có thể đứng vững được trong thử thách, phần lớn là nhờ hoạt động tông đồ của một số giáo dân, trong đó nữ giới giữ vai trò đáng kể.

Ở Phú Yên, bà phu nhân quan phủ, có tên thánh là Ma-ri-a Ma-đác-la, đã lập một bệnh xá để giúp đỡ các bệnh nhân nghèo không phân biệt lương hay giáo. Người dân trong vùng đều cảm phục tấm lòng và công việc của bà, và đã có nhiều người tin vào đạo Chúa.

Nhiệt thành với việc mở mang Nước Chúa và lo phần rỗi các linh hồn, các dì phước, các bà đỡ tìm mọi cách rửa tội cho trẻ em bệnh nặng chết yểu. Họ thăm nom, săn sóc, nuôi nấng, thuốc men và tổ chức an táng. Nếu các em sống sót, thì các bà dạy giáo lý và nghề nghiệp cho đến khi tự lập. Qua các mùa dịch bệnh, nhiều gia đình Công giáo khá giả đã quảng

đại nhận nuôi các trẻ em của các gia đình ngoại giáo nghèo hoặc mồ côi để rửa tội cho chúng. Năm 1843, Giáo phận Đàng trong rửa tội được 8273 em. Năm 1855, Giáo phận Trung Đàng ngoài rửa tội được 35.349 em <sup>[1]</sup>.

Có thể nói, những hoạt động tông đồ xuất phát từ đức ái, lòng tận tụy và sự hy sinh của người phụ nữ Công giáo Việt Nam trong thời truyền giáo đã để lại những dấu ấn khó phai mờ trên mảnh đất và con người Việt Nam. Quả thực, sống đức ái là phương thế truyền giáo hữu hiệu nhất, như Đức Giê-su đã nói: *"ở điểm này, mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy: là anh em có lòng yêu mến nhau"* (Ga 13, 35). Hội Thánh Việt Nam hôm nay đã nhận được gia sản đức ái quý báu của tổ tiên truyền lại. Gia sản đức ái kêu mời anh em Legio Mariae chúng ta hôm nay phải phát huy và làm cho sung mãn thêm nữa.

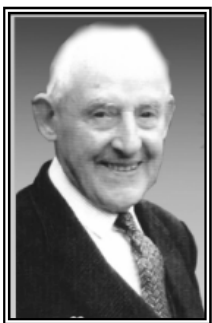
### Kết luận

Nhìn lại những trang sử truyền giáo tại Việt Nam, chúng ta có thể khẳng định lại một lần nữa rằng người phụ nữ Công giáo Việt Nam đã góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng Hội Thánh trên quê hương Việt Nam yêu dấu. Công khó của các mẹ, các chị chẳng thua kém các giám mục, linh mục, thầy giảng, các vị tử đạo nam giới. Nói thế không phải để so sánh hơn kém giữa phái nam và phái nữ, nhưng để thấy rằng trong Đức Ki-tô, thì không còn chuyện phân biệt đàn ông hay đàn bà, tất cả đều là những bộ phận trong cùng một thân thể nhiệm mầu Giê-su Ki-tô; tất cả liên đới và hiệp thông với nhau trong đức tin và lòng yêu mến. Lời tuyên xưng đức tin cao đẹp của các vị tử đạo trước mặt vua chúa quan quyền cũng chính là lời tuyên xưng đức tin cao đẹp của các mẹ, các chị trong âm thầm hy sinh, trong nỗi sầu đau chất ngất cõi lòng.

Đời sống chúng ta âm thầm hay lấy máu đào tuyên xưng đức tin của các tín hữu Công giáo Việt Nam trong thời truyền giáo năm xưa đã dựng xây Hội Thánh Việt Nam. Đời sống trung thành với đạo thánh Chúa của các ngài mời gọi chúng ta hôm nay, dầu là giáo dân hay giáo sĩ, cách riêng người nam hay người nữ trong Đại gia đình Legio Mariae chúng ta, tất cả đều phải đảm nhận trách nhiệm đối với toàn thân thể là Hội Thánh, mỗi người một cách, tùy ơn gọi và khả năng Chúa ban, như thánh Phao-lô nói: *“Chính Đức Ki-tô đã ban ơn cho kẻ này làm tông đồ, người nọ làm ngôn sứ, kẻ khác làm người loan báo Tin mừng, kẻ khác nữa làm người coi sóc và dạy dỗ, nhờ đó các tín hữu được trang bị để làm công việc phục vụ là xây dựng thân thể Đức Ki-tô...”* (Ep 4, 11-12).

---

[1] xc. Fx. Đào Trung Hiệu, OP, Cuộc lữ hành đức tin – Giáo Hội Việt Nam, quyển II, trang 211.



## CHÚNG TA CÓ THỂ NÊN THÁNH ĐƯỢC KHÔNG? (tt)

**FRANK DUFF**

### TRỞ NGẠI VÀ CẠM BÃY TRÊN ĐƯỜNG.

#### Tội lỗi

Tội lỗi trong mọi hình thức, dĩ nhiên là trở ngại lớn nhất. Những điều quan trọng như là gian dối, cư xử không đúng giữa người chủ và người làm công, đánh bài, hung hăng, nguyên rủa... và còn nhiều nữa. Nhưng không cần thiết. Chúng ta đang nghĩ về những người đang cố gắng trên đường Thánh hóa, mà họ biết rõ mình đang mang những khuyết điểm to tát như vậy, thì chắc họ đã cố gắng gạt bỏ trong đời sống của họ rồi.

Lại thêm một loạt các lỗi thông thường như: ích kỷ, nói dối, nói xấu sau lưng, sống bề

ngoài, ganh tị v.v.v... ảnh hưởng trực tiếp, làm đời sống không có kết quả tốt. Chúng ta sẽ thành công dễ dàng hơn nếu phát triển tinh thần cầu nguyện và tình yêu. Điều này tạo nên lối suy nghĩ là tất cả những điều sai lầm đều đáng phải từ bỏ. Như vậy những sai lầm này không còn sức cám dỗ nữa, chúng sẽ tự động biến mất.

Tất cả những điều kể trên được gọi là “tội lỗi”. Khi có bất cứ tội nào, chúng ta biết mình phải hối hận và sửa đổi. Nhưng có những kẻ thù của sự Thánh thiện luôn nguy trang và lừa dối được ngay cả những người tốt bụng nữa. Có thể gọi tên vài điều trong số này như: bất mãn, muốn được coi trọng,



không kiềm chế miệng lưỡi, nóng tính, nản chí, tự cao, tự đắc. Điều nghiêm trọng là người tốt hay mắc phải chứng này. Khi cố đuổi tội lỗi đi, thì vô tình họ lại làm việc cho tội lỗi.

### **Bất mãn**

Đây là khuyết điểm lớn nhất của người tốt. “Đâu có hại gì khi không hài lòng đâu ?” Họ sẽ biện minh như vậy. Hay họ sẽ gọi nó là tham vọng, và để nó làm xáo trộn tâm hồn họ. Có nhiều lợi điểm cho thói bất mãn, nó giục chúng ta nhắm đến những điều tốt đẹp hơn. Nó khiến chúng ta tận nguyên đến độ: Hôm nay ganh tị cả những gì mà hôm qua ta khinh bỉ. Tính bất mãn rất đáng quan ngại, nó tạo nên ảo tưởng rằng đời sống hiện tại và hoàn cảnh chung quanh chúng ta không thích hợp cho việc Thánh hóa. Chúng ta lại ưa

thích với ý tưởng chúng ta cho là Thánh thiện. Chúng ta tin là nếu Chúa cho chúng ta làm “Cha” hay “Sours” hoặc ai khác, mà không phải là ta, lúc bấy giờ ta mới có thể nên Thánh.

Không có cản ngại nào lớn hơn ảo tưởng này. Điều kiện sống của mỗi người, chính là chất liệu để định hướng tương lai của chính mình. Không tin tưởng vào điều mình có thể sẽ làm nên điều tốt, thì người ta sẽ không muốn cố gắng. Giống như người không muốn đào xới sau vườn để tìm kiếm kim cương, vì họ nghĩ rằng không có. Tìm châu báu của sự Thánh thiện cũng giống như vậy.

Thực tế có thể hoàn cảnh sống hiện tại của chúng ta chưa thích hợp với những điều cao cả. Như vậy, Chúa sẽ mở một cánh cửa khác cho chúng

ta khi Chúa muốn. Khi chúng ta làm tròn bổn phận với những gì hiện có.

Tuy nhiên, trái với điều chúng ta nghĩ là không thích hợp, đời sống hiện tại của chúng ta lại chính là những điều kiện mang lại sự Thánh hóa. Chúa là Đấng thấy mọi sự, khi chọn cảnh sống này cho chúng ta hơn là đời sống khác, không phải không có lý do chính đáng.

Bởi sự bất mãn, chúng ta coi mình như quan tòa, phán xét hành động của Ngài. Hãy ngợi khen Ngài khi suy nghĩ sâu xa về điều này, rồi dứt khoát tự nhủ lòng sẽ gạt bỏ những tư tưởng quấy rối. Đó là ân sủng tràn đầy. Sự bình an sẽ lớn dần trong tâm hồn.

Chúng ta sẽ thấy mình với dần những lo toan hằng ngày. Chúng ta đang tiến triển đấy.

**Khi bất mãn được dẹp tan.**

Những người có tình thân mật thiết với Chúa, cũng không thể hoàn toàn định giá được sự diệu kỳ, to tát của kho tàng: Sự bình an trong tâm hồn mà họ luôn có.

Còn với những người khác, cảm giác này mang một thông điệp rằng: Chúa Thánh Thần luôn hiện diện trong tâm hồn họ. Họ đang trên đường tiến đến sự bình an đó là đặc điểm trong đời sống các Thánh, ví dụ như đọc cuộc đời Thánh Vincent Ferrer: “Hoặc đang đi trên đường, hoặc ở trong nhà thờ, trong phòng riêng, đang giảng, trên đường đi, hay bất cứ làm việc gì. Ngài luôn an bình, vì Ngài đã dựng nên bàn thờ Chúa trong tim. Và nơi đó, Ngài nói chuyện không ngừng với Chúa, mà không điều gì bên ngoài có thể làm Ngài bận tâm” □

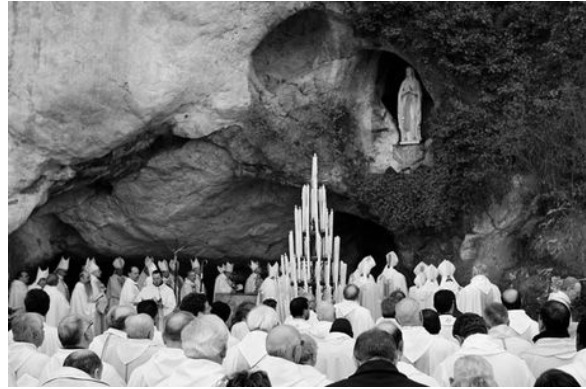
(Còn tiếp)

# HÀNH HƯƠNG LÀ GÌ ?

Lm. Giu-se Phan Tấn Thành O.P.

**Hỏi:** Trong tháng 8 này, tại Việt Nam nhiều cuộc hành hương sẽ được tổ chức đi Lavang. Trong lịch sử Ki-tô giáo, các cuộc hành hương bắt nguồn từ hồi nào ?

**Đáp:** Đối với Ki-tô giáo, việc hành hương không phải là một nghĩa vụ bó buộc của các tín hữu như là đối với các tín hữu Hồi giáo hoặc Do-thái giáo. Đối với Hồi giáo, các người trưởng thành buộc phải hành hương một lần trong đời về thánh địa Mecca. Đối với các tín đồ Do-thái sống tại Palestina vào thời Chúa Giê-su, hằng năm họ buộc phải đi lên đền thờ Giê-ru-sa-lem ba lần vào các dịp lễ Vượt qua, lễ Ngũ tuần và lễ Lều (x. Đnl 16, 1-17). Tân ước cho biết là chính Đức Giê-su cũng tuân giữ những luật đó từ khi lên 12 tuổi (x. Lc 2, 42). Tuy nhiên, bốn phận này đã hết giá trị từ khi đền thờ Giê-ru-sa-lem bị tàn phá vào năm



70 sau công nguyên. Có lẽ vì thế mà vào thời buổi đầu của Ki-tô giáo, không còn tục lệ hành hương lên đền thờ nữa. Mặt khác, các tác phẩm Tân ước nói đến một đền thờ thiêng liêng là chính Đức Ki-tô, và thậm chí mỗi người tín hữu là đền thờ của Thiên Chúa. Đồng thời các tín hữu được nhắc nhở rằng suốt cả cuộc đời của họ là một hành hương tiến về đền thờ trên Thiên quốc.

**Hỏi:** Như vậy các cuộc hành hương không còn nằm trong cuộc sống Ki-tô hữu nữa, phải không ?

**Đáp:** Nói thế có lẽ chỉ đúng một phần thôi. Như đã nói ở trên,

nhiều đoạn văn Tân ước đã chuyển nghĩa hành hương sang một chiều kích thiêng liêng, có nghĩa là họ vẫn giữ những tâm trạng của kẻ hành hương dù rằng họ không buộc phải hành hương về một đền thánh. Đồng thời, tục lệ hành hương về các nơi thánh cũng sớm nảy lên trong lịch sử Hội thánh, tuy dù chỉ là sáng kiến tư nhân chứ không phải là một nghĩa vụ.

**Hỏi: Thế nào là tâm trạng của kẻ hành hương ?**

**Đáp:** Trong tâm thức của nhiều người, hễ nói đến hành hương là chúng ta liền nghĩ đến một nơi thánh nào đó. Tuy nhiên, có lẽ một đặc trưng của Kinh Thánh ngay từ Cựu ước ở chỗ con người được gọi đến gặp gỡ Thiên Chúa kể cả ở ngoài nơi thánh nữa. Điển hình là gương mẫu của ông Áp-ra-ham: ông được gọi rời bỏ quê hương, lên đường đến một nơi mà Chúa sẽ chỉ định cho ông. Mẫu gương này sẽ còn lặp lại trong cuộc đời của ông Mô-sê và dân Do-thái vào thời nô lệ bên nước Ai-cập.

Các tác giả Tân ước đọc lại những kinh nghiệm đó và áp dụng cho điều kiện của người tín hữu Ki-tô giáo: họ mang thân phận của kẻ lữ hành ở trên đời này. Hình ảnh của người lữ hành mang theo nhiều hệ luận. Thứ nhất, người lữ hành là người ở trong tư thế tiến tới, chứ không đứng khựng lại một chỗ. Kế đến, người lữ hành là người chấp nhận sống trong điều kiện tạm bợ, khác với kẻ cư ngụ, có công ăn việc làm ổn định. Từ những nhận xét đó mà thư thứ nhất của thánh Phê-rô Tông đồ và thư gửi tín hữu Do-thái đã nhấn nhủ các tín hữu về tâm trạng lữ thứ của người tín hữu: họ đang trên đường tiến về quê hương vĩnh cửu trên trời, theo chân vị Thầy của mình, Đấng đã trải qua một cuộc Vượt qua của cuộc Khổ nạn, trước khi tiến đến vinh quang.

**Hỏi: Đó là nói đến tâm trạng lữ hành của người tín hữu sống trên đời này. Thế còn những cuộc hành hương đến các nơi thánh thì sao ?**

**Đáp:** Có lẽ dựa theo tâm thức chung của nhiều tôn giáo, các Ki-tô hữu trong những thế kỷ đầu tiên đã tổ chức những cuộc hành hương đến nơi thánh. Đứng đầu các nơi thánh là quê hương của Chúa Giê-su, vì thế gọi là Thánh địa, đặc biệt là những nơi mà Người đã sinh ra và chịu chết (Bê-lem, Na-da-rét, Giê-ru-sa-lem). Dĩ nhiên, những ai sống ở vùng Trung đông thì dễ thực hiện những chuyến viếng thăm thánh địa hơn. Tuy nhiên, từ thế kỷ thứ IV, người ta thấy những phái đoàn hành hương khởi hành từ Âu châu, nổi tiếng hơn hết là một thiếu phụ người Tây Ban Nha, tên là E-gê-ri-a, thuật lại chuyến viếng thăm Giê-ru-sa-lem, và kể cả những địa điểm của Cựu ước. Sau những địa điểm liên quan đến cuộc đời của Chúa Cứu Thế, một mục tiêu hành hương nữa vào thời cổ là các nơi gắn liền với các thánh Tông đồ, cách riêng là thành phố Rô-ma, nơi tử đạo của hai thánh Phê-rô và Phao-lô. Các địa phương khác thì tổ chức những

cuộc hành hương đến mộ các thánh tử đạo hay của các vị thánh nổi tiếng vì phép lạ, chẳng hạn như thánh Martin ở thánh phố Tours bên Pháp. Điều đáng chú ý là mục tiêu thúc đẩy các tín hữu hành hương đến các nơi vừa kể trên. Các sử gia nhận thấy rằng những động lực ấy khá đa dạng. Có người tìm về các nơi vừa kể ra như để đi lại cuộc đời của các vị thánh, nghĩa là muốn bắt chước cuộc sống của các ngài. Có người thì muốn đến cầu khẩn các thánh một ân huệ gì đó đặc biệt, hoặc để tạ ơn. Một hoàn cảnh khác đáng nêu lên là đối với một số người, việc hành hương được coi như một hình thức đền tội, dành cho những tội rất nặng. Nên biết là thời xưa, hành hương có nghĩa là đi bộ qua những đoạn đường dài cả ngàn cây số, với những hiểm nguy của đường xá xa xôi, thiếu thốn vật chất, chưa kể nạn cướp bóc.

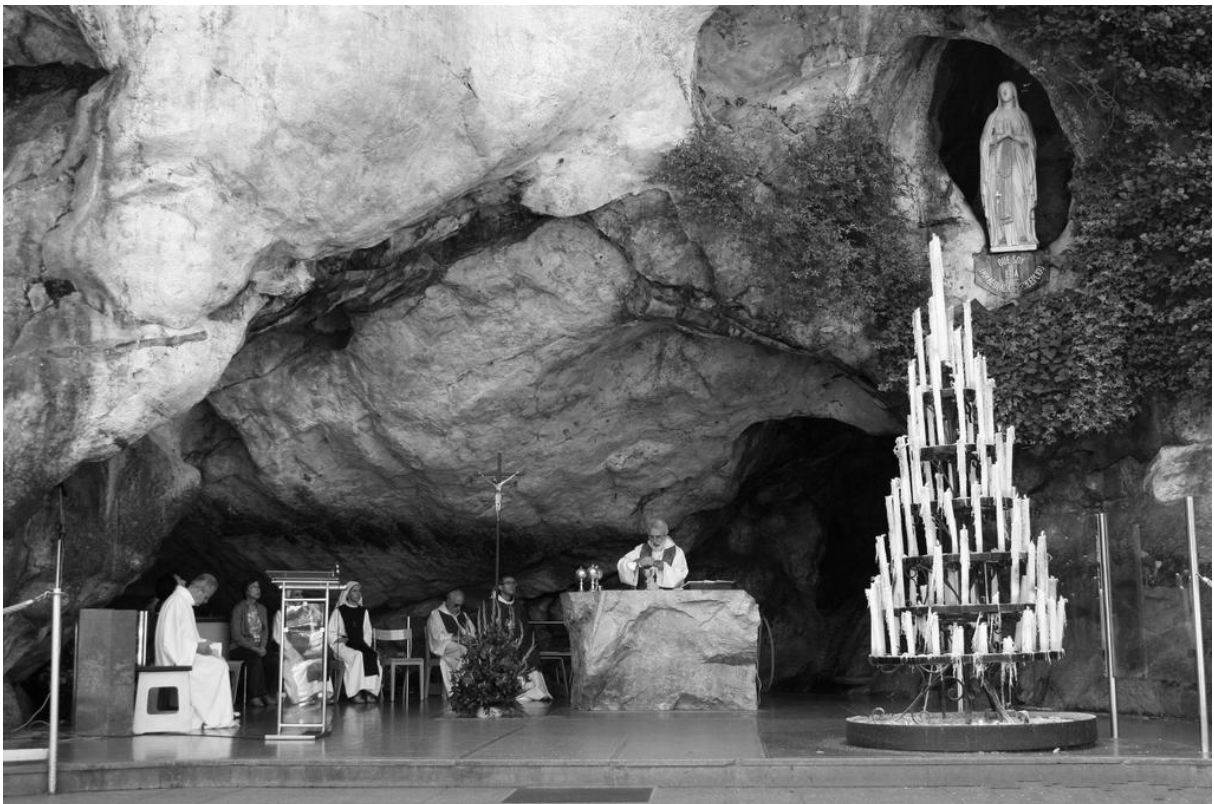
**Hỏi:** Còn những cuộc hành hương đến các đền kính Đức Mẹ thì sao ?

**Đáp:** Xét theo lịch sử, những cuộc hành hương đến các trung tâm Thánh Mẫu tương đối còn mới. Thực vậy, trong suốt thời Trung cổ bên Âu châu, các lộ trình hành hương lớn được thiết lập dọc theo con đường về Thánh địa, rồi đến Rô-ma và Santiago de Compostela (tục truyền là mộ của thánh Gia-cô-bê Tông đồ, ở mạn Tây nước Tây Ban Nha). Đành rằng từ lâu đã có nhiều thánh đường được cất lên để kính Đức Mẹ, nhưng không được nổi tiếng cho lắm, ngoại trừ Loreto, ở miền Trung Italia, tục truyền là căn nhà

của Đức Mẹ ở Na-da-rét được chuyển qua. Phải chờ đến cuối thế kỷ XIX mới thấy những cuộc hành hương lớn hướng về trung tâm Thánh Mẫu quốc tế, đó là Lộ Đức ([Lourdes](#)), nơi Đức Mẹ hiện ra năm 1854. Tuy nhiên, mục tiêu đi hành hương Lộ Đức đã thay đổi nhiều so với mục tiêu của các cuộc hành hương thời xưa.

**Hỏi: Khác biệt ở chỗ nào ?**

**Đáp:** Có người tóm lại sự khác biệt vào một từ ngữ “vụ lợi”, hiểu theo nhiều nghĩa. Vụ lợi theo nghĩa là nhiều người đi hành hương đến Lộ Đức để cầu



xin một phép lạ nào đó, thường là chữa bệnh. Có lẽ ít người đi hành hương để cầu xin ơn được tăng trưởng trong đức Tin-Cậy-Mến như Đức Ma-ri-a, người tôi tớ sẵn lòng làm theo ý Chúa. “Vụ lợi” theo nghĩa là các cuộc hành hương thời nay trở nên một dịch vụ thương mại: có những cơ quan đứng ra tổ chức hành hương, có những công ty chuyên chở (xe lửa, máy bay), có những công ty lo việc ăn uống ngủ nghỉ ở cấp khách sạn từ 3 sao trở lên. Những dịch vụ đó đòi hỏi nhiều vốn liếng đầu tư, mà không thể đòi hỏi các nhân viên phục vụ miễn phí. Thế rồi, vô tình hay hữu ý, cả người đi hành hương cũng bị lôi cuốn vào các tổ chức dịch vụ đó, nghĩa là họ phải đáp máy bay đi hành hương, và trọ tại những khách sạn nơi hành hương. Còn đâu là tinh thần hy sinh, sám hối, tâm trạng của người lữ hành như thời xưa nữa ?

**Hỏi:** Nói thế có nghĩa là nên dẹp bỏ các cuộc hành hương hay sao ?

**Đáp:** Không, chúng ta không được phép vỡ đũa cả nắm. Không phải tất cả các người hành hương đều mang nào trạng vụ lợi. Dù sao, nhiều kế hoạch mục vụ đã được phát động nhằm thúc đẩy canh tân các cuộc hành hương, khám phá lại những mục tiêu đạo đức, khác hẳn với các cuộc du lịch. Ngoài tâm tình thống hối, đền tội, cần phải tìm cách phát triển việc cầu nguyện cũng như sự liên đới giúp đỡ những người cùng tham dự đoàn hành hương.

Mặt khác, ngay từ lâu, lịch sử đã chứng kiến nhiều dự án canh tân các cuộc hành hương chuyển hướng theo phương diện tinh thần. Như đã nói trên đây, trong Kinh Thánh, từ chỗ hành hương lên đền thánh Giê-ru-sa-lem, các tác giả đã hướng về

cuộc lữ hành về quê hương Thiên quốc. Thời Trung cổ, nhiều người không thể đi hành hương sang Thánh địa được thì họ tạo ra các chặng đường Thánh giá (*via crucis*) nơi các giáo xứ, nhằm đi lại con đường Khổ nạn của Chúa Giê-su bằng tâm tình, để từ đó cũng muốn bắt chước những bài học vâng lời kiên nhẫn như Chúa. Một cách tương tự như vậy, nhiều tín hữu không thể đi Lộ Đức được thì họ cất hang đá Đức Mẹ bên cạnh nhà thờ, và họ dừng lại để cầu nguyện với Đức Mẹ cũng tựa như khi họ đi Lộ Đức vậy.

Ngoài ra có một hình thức khác nữa để diễn lại cảnh hành hương, đó là đi rước kiệu. Đi rước kiệu thì khác đi biểu tình. Các cuộc rước kiệu mang tính cách cộng đoàn, như vậy nhắc nhở mọi người rằng chúng ta là thành phần của một đoàn dân lữ hành. Ngoài ra, cuộc rước kiệu được đặt dưới sự hướng dẫn của

Chúa Giê-su (ví dụ như kiệu Mình Thánh Chúa, kiệu ảnh tượng Trái Tim Chúa), hoặc của Đức Mẹ hay của một vị thánh. Những vị đó được coi như những người hướng đạo cho chúng ta, đồng hành với chúng ta trên con đường nên thánh, trên con đường về tới cõi phúc chân chính. Nên biết là nhằm chuẩn bị Năm Thánh 2000 vừa qua, Hội đồng Tòa thánh đặc trách Mục vụ Di dân đã phát hành một văn kiện, đề nghị những đường hướng mục vụ chuẩn bị các đoàn hành hương, cũng như mục vụ tại các trung tâm hành hương. Trong số những điểm được đề ra có cả việc đào tạo những người hướng dẫn hành hương, làm sao cho cuộc hành hương trở thành một cơ hội huấn giáo. Các hướng dẫn viên này sẽ phục vụ tại các giáo phận, hoặc tại các trung tâm hành hương của giáo phận, quốc gia, quốc tế □



# Mẹ Ma-ri-a Hồn Xác Lên Trời ?

Norberto

*Đức Ma-ri-a là người duy nhất được cứu khỏi mắc tội tổ tông truyền. Mẹ được cứu trong máu châu báu của Con Mẹ. Thiên Chúa đã dành đặc ân đó trước cho một mình Mẹ Đấng Cứu Thế: Đức trinh nữ rất thánh đã được tiền định để cộng tác vào công trình cứu chuộc của Thiên Chúa. Mẹ chúng ta đã được Thiên Chúa đưa về trời cả hồn cả xác, đó là niềm hy vọng của chúng ta.*

**K**inh Thánh có nói về một số trường hợp những người được hồn xác lên trời như Kha-nốc (x. Dt 11, 5), ngôn sứ Ê-li-a (x. 2V 2, 11), Mô-sê (Gđ c.9), Chúa Giê-su (Cv 1,9-11). Kinh Thánh không hề nói đến Đức Mẹ hồn xác lên trời. Vậy Giáo Hội chỉ ước đoán ?



## Trường hợp ông Mô-sê

Người hỏi đã dựa vào Kinh Thánh để nêu lên vài trường hợp những người được lên trời. Nhưng thư thánh Giu-đa đâu có nói gì về việc lên trời của ông Mô-sê. Câu 9 viết: "*Còn Mi-ca-en Tổng lãnh Thiên thần, khi Ngài đàm phán với quỷ, tranh biện về thi thể ông Mô-sê, thì đã không buông lời dàn hặc phi*

*báng, nhưng chỉ nói "xin Chúa trừng trị người".*

Sách Đệ nhị luật nói rõ Mô-sê đã chết và được chôn cất trên núi Nê-bô trong xứ Mô-áp: *"Mô-sê, tôi trung của ĐỨC CHÚA, qua đời tại đó, trong đất Mô-áp, theo lệnh ĐỨC CHÚA. Ông được mai táng trong thung lũng, ở miền đất mô-áp, đối diện với Bết-pơ-o. Cho đến ngày hôm nay, không ai biết mộ ông ở đâu"* (Đnl 34, 5-6). Sự kiện sau này người ta không tìm ra mộ Mô-sê, đã làm cho một số người nghĩ rằng ông đã được lên trời (x. ngụy thư *"Cuộc lên trời của ông Mô-sê"*).

### **Kha-nốc, Ê-li-a và Chúa Giê-su**

Chúng ta cũng phải phân biệt những cuộc lên trời mà sách Cựu Ước kể về trường hợp Kha-nốc, Ê-li-a với trường hợp của Chúa Giê-su. Về Kha-nốc thì thư Do-thái nói là ông *"được đem đi nơi khác để khỏi chết"* (Dt 11, 5). Còn về Ê-li-a thì Kinh Thánh nói là ông *"được lên trời trong cơn*

*gió lốc"* (2V 2,11). Cho tới nay Giáo Hội không tuyên bố gì về việc Kha-nốc và Ê-li-a hiện nay ở trong tình trạng nào. Dầu sao họ cũng còn thuộc về thời Cựu ước, tức là thời chờ đợi.

Đàng khác chúng ta biết chắc rằng trường hợp sống lại và lên trời của Chúa Giê-su là trường hợp tiên khởi, vì thánh Phao-lô đã khẳng định: *Đức Ki-tô là "trưởng tử trong số những người từ cõi chết sống lại"* (Cl 1, 18), hoặc *"Đức Ki-tô đã chỗi dậy từ cõi chết, mở đường cho những ai đã an giấc ngàn thu"* (1 Cr 15, 20). Việc lên trời của Đức Giê-su mà sách Công vụ nói tới (x. Cv 1, 9-11) thực ra là lần hiện ra cuối cùng của Đức Giê-su phục sinh. Từ nay Người không còn hiện diện bằng hình dáng thể xác nữa, nhưng bằng quyền năng của Chúa Thánh Thần.

Việc lên trời của Đức Ma-ri-a phải được hiểu theo nghĩa sau: sự kiện quan trọng không phải là được dời đi một

chỗ nào khác, cho dầu là trên làn mây, nhưng là **được tham dự cả hồn cả xác vào vinh quang phục sinh của Đức Kitô** như lời Đức Thánh Cha Pi-ô XII tuyên bố: "*Đức Ma-ri-a, Mẹ Thiên Chúa. Đấng Vô Nhiễm Thai, trọn đời đồng trinh, sau cuộc sống ở trần gian, đã được nâng lên, cả hồn cả xác, về hưởng vinh quang thiên quốc*" (x. Foi Catholique số 410; Hiến chế Giáo Hội số 59).

### **Nền Tảng Kinh Thánh Của Tín Điều**

Tuy Kinh Thánh không diễn tả một cách minh nhiên việc Đức Ma-ri-a lên trời, nhưng tín điều này có nền tảng vững vàng trong Kinh Thánh. Trong sách Sáng thế, Thiên Chúa phán với con rắn về cuộc chiến của Đấng Cứu Thế, sinh ra từ một người đàn bà (x. St 3, 15). Tác giả sách Khải huyền cũng đã miêu tả cuộc chiến đấu và cuộc khải hoàn của người đàn bà nhờ con của mình là Đấng Cứu Thế (x. Kh

12). Lẽ dĩ nhiên "*người đàn bà mặc áo mặt trời ấy*" trước hết là Si-on, là toàn Dân Chúa trong ngày cánh chung. Tuy nhiên thánh Lu-ca (Lc 1, 28: "*Mừng vui lên*"), nhắc lại lời chào của Xô-phô-ni-a 3, 14-17 ("*reo vui lên, hỡi thiếu nữ Si-on!... Vì người, Chúa sẽ vui mừng hoan hỷ*") gợi ý cho ta thấy rằng Đức Ma-ri-a là "*thiếu nữ Si-on*", là hiện thân của toàn Dân Chúa để đón nhận "*Người là Vị cứu tinh, là Đấng anh hùng*", tức là Đấng Cứu Thế. Bà là thành phần hoàn hảo nhất của Dân Chúa, để tiếp nhận Đấng mang ơn cứu độ cho loài người. Trong cụ thể, sách Tin Mừng của Lu-ca và của Gio-an cho thấy Đức Ma-ri-a, với tư cách là Mẹ Đồng trinh của Chúa Giê-su đã kết hiệp chặt chẽ với Con mình trong mọi sự từ giây phút truyền tin (x. Lc 1, 26-38) cho đến lúc Chúa chết trên Thập Giá (x. Ga 19, 25). Và bởi vì Đức Ma-ri-a đã hợp nhất với Chúa Giê-su như thế trong tâm hồn, bằng một đức tin tuyệt vời qua lời "*xin vâng*" (Lc 1, 38), và

trong thể xác bằng sự cưu mang, sinh hạ, nuôi dưỡng Chúa Giê-su và bằng sự hiệp thông trong đau khổ, nên Giáo Hội vững tin rằng Đức Ma-ri-a, cả trong tâm hồn và trong thể xác, đã được tham dự trọn vẹn vào vinh quang Phục sinh của Chúa Giê-su, Con yêu dấu của Người.

### **Truyền thống**

Từ thế kỷ II, các thánh Giáo Phụ đặc biệt là thánh Giút-ti-nô và thánh I-rê-nê, đã trình bày Đức Ma-ri-a như Eva mới luôn luôn tuân phục và kết hiệp với Adam mới là Chúa Ki-tô (x. Rm 5,14-17; 1 Cr 15, 21-23) trong cuộc chiến đấu cũng như trong khải hoàn.

Tại Giê-ru-sa-lem đã có nhà thờ dâng kính Đức Mẹ lên trời vào giữa thế kỷ V. Giáo hội Đông Phương đã mừng lễ "An giấc" (Dormition) của Đức Ma-ri-a vào cuối thế kỷ VI. Đối với anh em Chính Thống Giáo lễ này gồm có sự chết, an táng, sống lại và lên trời của Đức Mẹ. Lễ Đức Mẹ

lên trời đã được cử hành tại Rô-ma vào giữa thế kỷ VII.

Sau 15 thế kỷ, không một nhà thần học nào trong Giáo Hội đã phản đối niềm tin này. Nhận thấy niềm tin này là một sự kiện phổ quát, càng ngày càng lan tỏa sâu rộng trong tâm hồn các tín hữu, nên Đức Thánh Cha Pi-ô XII, nhân danh quyền bính của Chúa Ki-tô và của các Tông đồ, đã long trọng tuyên bố là một tín điều ngày 01.11.1950.

Công Đồng Va-ti-ca-nô II cũng đã nhắc lại đặc ân Đức Mẹ hồn xác lên trời trong hiến chế về Giáo Hội:

"Sau khi hoàn tất cuộc đời dưới thế, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm đã được đưa lên hưởng vinh quang trên trời cả hồn lẫn xác, và được Thiên Chúa tôn vinh làm Nữ Vương vũ trụ, để nên giống Con Ngài trọn vẹn hơn, là Chúa các Chúa (x. Kh 19,16), Đấng đã chiến thắng tội lỗi và sự chết" (Hc. Giáo Hội số 59).

# TÌNH YÊU CỦA CHA MẸ

Lm. G. Tạ Duy Tuyên



**N**gười ta kể rằng: có một lần, người cha già 80 tuổi ngồi trên chiếc ghế sofa cùng người con trai trí thức 45 tuổi. Đột nhiên có tiếng một con quạ gõ gõ cái mỏ vào ô cửa sổ của căn nhà. Người cha già hỏi con trai: “Cái gì vậy?”

Người con trai trả lời: “Một con quạ”.

Vài phút trôi qua, người cha lại hỏi con trai: “Cái gì vậy?”.

Người con trả lời: “Cha, con đã nói với cha rồi. Đó là một con quạ”.

Một lúc nữa lại trôi đi, người cha già lại hỏi: “Cái gì thế?”

Đến lúc này, có chút bực dọc, khó chịu trong giọng điệu của người con trai khi anh ta trả lời cha: “Đó là một con quạ, một con quạ”.

Một lúc lâu sau, người cha lại hỏi con trai cũng vẫn câu hỏi “cái gì thế?”

Lần này người con trai thực sự tức giận hét vào mặt người cha già mà rằng: “Tại sao cha cứ hỏi đi hỏi lại con cùng một câu hỏi thế hả? Con đã nói bao nhiêu lần rồi, đó chỉ là một con quạ. Cha không hiểu hả?”

Thoáng chút ngần ngừ, người cha đi vào phòng mình, mang ra một cuốn nhật kí đã cũ nát. Cuốn sổ ông giữ gìn kể từ khi người con trai ra đời. Mở một trang, người cha đưa cho cậu con trai đọc. Khi người con trai đón lấy, anh ta thấy những dòng chữ được viết trong nhật kí như sau:

“Hôm nay, đưa con trai bé bỏng 3 tuổi ngồi cùng tôi trên chiếc ghế sofa. Khi một con

quạ đậu trên cửa sổ, con trai đã hỏi tôi 23 lần rằng đó là cái gì, và tôi cũng đã trả lời 23 lần rằng đó là một con quạ. Tôi nựng con mỗi lần nó hỏi tôi cùng một câu hỏi, lặp đi lặp lại 23 lần. Tôi không hề cảm thấy khó chịu, mà trái lại, càng yêu thương đứa con ngây thơ bé bỏng này hơn”...

Trong các tình yêu, có lẽ chỉ có tình cha, tình mẹ là bền bỉ, là kiên vững nhất. Tình cha mẹ dành cho con cái mãi mãi như sông ngòi, biển khơi. Nhưng:

“Biển đông còn lúc đầy vơi,

Chớ lòng cha mẹ suốt đời tràn dâng”.

Cha mẹ đã đánh đổi cả cuộc đời mình, chỉ mong cho con cái thành người. Niềm vui, niềm hạnh phúc và tự hào của cha mẹ là nhìn thấy sự thành công của con cái. Cho dù có phải vì con mà vất vả lao đao, cha mẹ vẫn không sờn lòng. Cho dù có vì con mà cha mẹ phải hao gầy, cha mẹ vẫn vui khi nhìn thấy con cái

lớn khôn mỗi ngày. Chính nhờ ơn cha nghĩa mẹ cao dày như thế, những người con khi đã lớn khôn, thành tài, cần phải dặn lòng:

"Trải bao gian khổ không sờn,  
Muôn đời con vẫn nhớ ơn mẹ hiền".

Sự nhớ ơn không phải để nói bâng quơ nhưng cần thể hiện bằng cả một tấm lòng ưu ái nhất, luôn lo lắng, quan tâm chăm sóc cha mẹ khi đã về già:

"Ai về tôi gửi buồng cau,  
Buồng trước kính Mẹ, buồng sau kính Thầy.

Ai về tôi gửi đôi giấy,  
Phòng khi mưa gió để Thầy Mẹ đi".

Và rồi trong cuộc sống dâu phải mình muốn là được. Có những điều muốn làm nhưng lại không có cơ hội để làm. Như người con gái xa quê đã tiếc nuối khi không thể chăm sóc cha mẹ.

"Chim đa đa đậu nhánh đa đa,  
Chồng gần không lấy, để lấy chồng xa.

Mai sau cha yếu, mẹ già.  
Bát cơm đôi đũa, kỹ trà ai dâng ?

Đó chính là đạo hiếu đã ăn sâu trong tâm thức người Việt Nam chúng ta. Đạo hiếu luôn đòi buộc phận làm con phải biết sống sao cho vuông tròn ân nghĩa mẹ cha. Cho dù dòng đời có những đổi thay của làn sóng văn hóa Châu Âu hay Châu Mỹ, thì vẫn không thể phai nhòa chữ hiếu trong tâm thức của người Việt Nam. Cho dù cuộc đời có nhiều thay đổi của những xu thế thực dụng, hay những trào lưu văn hóa ngoại lai, thì người Việt Nam vẫn phải để hai chữ hiếu thảo làm đầu:

"Ngó lên trời thấy cặp cu đang đá,  
Ngó ra ngoài biển, thấy cặp cá đang đua,  
Đi về lập miếu thờ Vua,  
Lập trang thờ mẹ, lập chùa thờ cha".

Hằng năm, tháng 7 âm lịch là tháng để tưởng nhớ, cúng kiếng và chú nguyện cho những người đã khuất của người Phật tử và người theo "Đạo tổ tiên", mà cao điểm là lễ Vu Lan. Ngày Rằm tháng 7, hay cũng gọi là ngày Xá Tội Vong nhân (năm

nay nhằm vào ngày 15.08 DL), dân tộc ta dành ra tháng này để tưởng nhớ tới ông bà tổ tiên và những người đã quá cố. Trong chiều hướng Hội Nhập Văn Hoá và tìm hiểu các Tôn giáo, chúng ta cũng nên cùng làm điều đó với họ theo cách thức của người Ki-tô hữu chúng ta.

Tháng này, là dịp để chúng ta sống trọn chữ hiếu với mẹ cha. Chữ hiếu được thể hiện qua những món quà chúng ta dâng tặng mẹ cha được nồng ép vào đó cả một tình con thảo hiếu. Đây cũng là ngày hội vui của đại gia đình. Ai cũng mong ngày lễ tết được đoàn tụ bên gia đình. Ai cũng mong đón nhận những giờ phút linh thiêng nhất bên cha mẹ ông bà. Thế nhưng, chữ hiếu không chỉ dừng lại nơi những ngày lễ tết mới bộc lộ ra mà còn phải dần trải trong suốt tháng năm sống bên cha mẹ. Hãy sống sao cho tròn chữ hiếu. Nếu những ai có cha mẹ còn trẻ hãy tạ ơn Chúa vì chúng ta có một thành trì

vững chắc để tựa nương. Nếu những ai cha mẹ đã già nua thì đừng xem thường và coi họ như gánh nặng. Hãy nói với các ngài bằng những lời khiêm tốn, lịch sự đừng cáu gắt với tuổi già. Hãy ôn tồn với các ngài vì chính họ cũng từng kiên nhẫn với tuổi thơ chúng ta. Chính các ngài đã không quản mưa nắng, mệt nhọc, thức khuya dạy dỗ vì tuổi thơ chúng ta. Xin đừng ai phụ ơn nghĩa mẹ cha. Hãy sống sao cho đúng phận làm con, vì:

"Nếu mình hiếu với mẹ cha  
Chắc con cũng hiếu với ta khác gì.

Nếu mình ăn ở vô nghi  
Đừng mong con hiếu làm gì uống công".

Nguyện xin Thiên Chúa là chủ thời gian chúc lành cho ngày hội của các gia đình hôm nay. Xin Chúa liên kết mọi người trong tình yêu Chúa. Xin cho mọi thành phần trong gia đình biết đón nhận giây phút sum vầy là hồng ân của Chúa để sống cho trọn vẹn với gia đình □

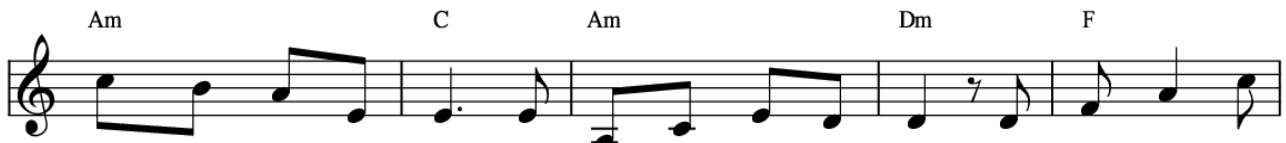


# Nhớ Về Tình Mẹ Cha

Trầm Hương, FMSR



1. Chúa tác sinh con vào đời cho con một mái ấm. Có  
 2. Tiếng hát ru con vào đời đêm đêm mẹ thao thức. Uốn  
 3. Có những khi xuôi dòng đời con nghe lòng phơi phơi. Thấp



bóng cha yêu hiền hòa, có tình mẹ rất bao la. Tình cha dang cánh  
 nấn cho con thành người, mỗi tình phụ tử khôn vơi. Rồi khi con lớn  
 thoáng hương hoa gọi mời, ngất trời hạnh phúc lên ngôi. Rồi mùa Xuân sẽ



bay, tình mẹ cao vút mây. Con ngập lặn trong hạnh phúc biết mấy.  
 khôn, trùng dương vỗ cánh bay. Tấm lòng mẹ cha luôn mãi dõi bước.  
 qua, và mùa Đông bước sang. Tấm lòng mẹ cha như những bóng mát.



ĐK: Ngọt ngào khúc hát tri ân. Nguyện cầu Chúa xuống muôn ân. Giúp cha mẹ  
 cháy tiêu hao. Một đời vất vả gian lao. Nhắc trong lòng



con tháng ngày an hòa. Tựa ngọn nến ...  
 con nghĩa ... nặng tình mẹ cha.

# Sốt xuất huyết có gì lạ ?

Bs. GBt. Đào Ty Tách



*“Bước vào giai đoạn giao mùa, thời tiết có những diễn biến bất thường, sốt xuất huyết đang ở mức cao so với mọi năm, bên cạnh đó bệnh tay chân miệng đang đe dọa sức khỏe của trẻ em. Các bậc phụ huynh cần phải cảnh giác với những loại bệnh nguy hiểm này. Nếu thấy trẻ sốt liên tục 2 ngày chưa giảm phải nghĩ ngay đến khả năng bé đang bị SXH. Nếu cơ thể của bé có biểu hiện lở loét ở miệng, chân tay nổi mẩn đỏ, sốt cao, bỏ ăn... cần đưa bé đến bệnh viện kịp thời để tránh các biến chứng nguy hiểm của bệnh tay chân miệng”.*

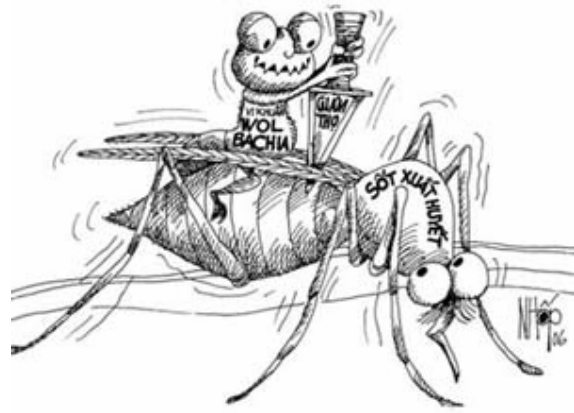
Sốt xuất huyết Dengue là bệnh nhiễm siêu vi Dengue có khả năng gây chết người nghiêm trọng, lây lan qua một số loài muỗi mà ở

Việt Nam thường do muỗi vằn *Aedes aegypti*. Yếu tố nguy cơ gây bệnh sốt xuất huyết bao gồm có kháng thể với bệnh sốt xuất huyết, trước đây

thường xảy ra ở trẻ nhỏ sáu đến mười hai tuổi nhưng hiện nay xảy ra ở người lớn nhiều hơn và nặng hơn.

Các triệu chứng sớm của bệnh sốt xuất huyết ban đầu giống như cảm cúm hay nhiễm siêu vi, nhưng sau vài ngày bệnh nhân quấy khóc, bồn chồn, toát mồ hôi và tụt huyết áp.

Chảy máu xuất hiện như những chấm nhỏ màu máu và các vết bầm tím nơi vết chích, vết cắt lể. Biến chứng chảy máu ồ ạt và sốc có thể gây tử vong. Sau một thời gian khủng hoảng từ thứ tư đến thứ sáu kể từ khi bắt đầu sốt, người bệnh có thể phục hồi rất nhanh. Khi nghi ngờ, bác sĩ cho làm xét nghiệm công thức máu, đếm tiểu cầu và dung tích hồng cầu. Xét nghiệm huyết thanh bao gồm test nhanh tìm kháng nguyên siêu vi Dengue, tìm kháng thể IgM, IgG. Muốn chính xác hơn thì làm xét nghiệm PCR và phân lập siêu



vi Dengue, các xét nghiệm này đều làm được ở thành phố Hồ Chí Minh.

Về điều trị, sốt xuất huyết Dengue chưa có thuốc chữa và chủng ngừa nên phương pháp duy nhất là chữa triệu chứng. Y bác sĩ cho truyền máu tươi hoặc tiểu cầu khi có vấn đề chảy máu, truyền dịch và các chất điện giải khi có mất nước và các chất điện giải.

Không có thuốc chủng ngừa để ngăn chặn bệnh sốt xuất huyết nên người bệnh cần tự bảo vệ bằng ngủ màn, mặc quần áo dày đủ, bôi thuốc hay dùng đèn đuổi muỗi, phun thuốc diệt muỗi và lăng quăng.

Qua nhiều nghiên cứu đa quốc gia về sốt xuất huyết từ

cuối năm 2009, tổ chức y tế thế giới đã đưa ra hướng dẫn mới về chẩn đoán và điều trị. Theo đó, từ cuối năm 2010, hội đồng chuyên môn Bộ Y tế Việt Nam cũng họp và đưa ra hướng dẫn mới như sau:

Không phân biệt sốt Dengue và sốt xuất huyết Dengue như trước đây. Cũng không phân biệt sốt xuất huyết độ I và độ II bằng dấu dây thắt như trước đây vì bỏ sót nhiều ca biến chứng nặng như xuất huyết nặng, viêm cơ tim, viêm gan, viêm não.

Về triệu chứng trong ba ngày đầu, người bệnh chỉ sốt cao đột ngột và liên tục không thuốc gì hạ sốt được kèm theo nhức đầu, chán ăn, buồn nôn. Da sung huyết và nổi hồng ban mịn khắp người kèm theo chảy máu cam, chảy máu lợi. Xét nghiệm máu chỉ thấy bạch cầu hơi giảm.

Giai đoạn hai từ ngày thứ tư đến ngày thứ sáu là giai đoạn nguy hiểm cần theo dõi chặt

chẽ vì dễ biến chứng sốc trụ tim mạch, xuất huyết nặng và có thể viêm não, tràn dịch màng phổi, suy tim, suy thận. Trong giai đoạn này xét nghiệm máu có tăng dung tích hồng cầu và giảm tiểu cầu, men gan tăng, rối loạn đông máu.

Giai đoạn ba là giai đoạn hồi phục. Người bệnh hết sốt, tỉnh táo thèm ăn, đặc biệt trên cẳng chân có “vết ban hồi phục” là yên tâm.

Khi nào nên truyền dịch ? Nên nhớ chỉ truyền “nước biển” khi cần thiết và đúng lúc, đúng loại. Khi chưa cần thì không nên đòi truyền vì đã có nhiều trường hợp trở nặng do trước đó truyền quá nhiều, quá sớm. Chỉ truyền khi người bệnh sốt và nôn ói nhiều gây mất nước hay dung tích hồng cầu tăng quá nhanh. Đồng thời phải theo dõi sát tình trạng mạch, huyết áp, dung tích hồng cầu và tiểu cầu trong suốt thời gian truyền dịch □

# CHIỀU, SAU CƠN MƯA (tt)

Lm. Đa-minh Nguyễn Đức Thông CSsR



**T**rời mưa lất phất. Ngọc Ai trong bộ đồ tang dài quét đất, tay bưng di ảnh Ngọc Hạnh, mắt ráo hoảnh, vẫn nghiêm trang nhìn người ta đổ đất xuống huyệt. Mưa bắt đầu nặng hạt. An đến bên, đặt tay lên vai Ai nói nhỏ:

- “Con lên xe, kéo mưa!”

Ai gỡ tay An ra, ngồi sụp xuống

- “Tại ông!”. Ai hét lên, rồi bắt đầu khóc hu hu. Tấm di ảnh tuột khỏi tay Ai, nằm nghiêng trên mặt

đất lô nhô. Mưa quất lên tới tấp. Nước vỡ, văng tung toé. An, một tay đỡ Ai lên, một tay đỡ tấm di ảnh, áp vào ngực. Trong tiếng mưa đang quất xối xả lên đầu, lên mặt, An nghe rõ Ngọc Hạnh xỉa xói:

- “Tôi không ngờ tôi lại là vợ của một tên ngu ngốc. Muốn sống theo Lời Chúa của ông, thì lên trời mà sống. Mình mà không biết nghĩ tới mình thì chỉ còn có chó nó nghĩ. Tôi chống mắt lên, chờ xem có con chó

nào nghĩ tới ông không ?” Huyết đã lấp xong. Nhân viên nhà đèn đang đẩy tấm đan lên mà Ngọc Hạnh vẫn như đang đay nghiến An. An đau đớn, hét lên “Hạnh”.

Nghe tiếng hét, một số người trong phòng hồi sức, chạy vội tới đỡ An dậy. Người An ướt đầm mồ hôi. An vừa trải qua một cơn ác mộng. Ngọc Hạnh vẫn hôn mê. Miệng như đang mỉm cười. Bên ngoài, trời vừa dứt cơn mưa. An nhìn người đàn ông vừa đỡ mình dậy, gật đầu nói:

- “Cảm ơn ông!”

- Tôi là Tính. Thằng con trai tôi cũng bị tai nạn, nằm gần tháng nay vẫn chưa tỉnh. Tính vui vẻ nói. Vừa rồi, ông bị sao mà hét to thế! An hơi mắc cỡ nhưng bình tĩnh lại ngay, nói:

- “Tôi mơ bà ấy chết, ông ạ!”

- Mơ chết thì không sao.

Nay mai tỉnh lại bây giờ ấy mà!

- Sao ông biết?

- Cứ để xem tôi nói có đúng không nào ? Đây là kinh nghiệm

ông ạ! Nếu tôi không làm thì trong cơn ác mộng vừa qua, có gì làm ông đau đớn lắm thì phải. An do dự nhìn lên khuôn mặt xanh xao của Hạnh, rồi lơ đãng hỏi:

- “Sao ông biết?”

- Tôi nghe tiếng hét. Đó không phải là tiếng gọi bình thường, không phải là tiếng hét hãi hùng. Đúng không nào? Một tiếng hét bí nhiệm, vừa tiếc nuối lại vừa thách thức. Tính vẫn cứ vừa nhìn lung lên trần vừa nói, như thể đang nói với người khuất mặt vậy.

- Ông nghe thấy thế thật hả? An vồn vã.

- Phải! Lúc ấy ông thấy gì ? Có phải ông bà có chuyện xung đột không ?

- Xung đột thì chẳng phải là xung đột, chỉ bất đồng quan điểm chút chút thôi. Nhưng chuyện xảy ra đã lâu rồi.

- Lâu rồi mà tiếng hét vẫn thế chúng tỏ vết thương sâu lắm!

- Không, không có vết thương nào hết cả. An lắc đầu nguây nguẩy. Chỉ tại...

- Tại bây giờ chuyện ấy lại tái diễn chứ gì?

- Tái diễn thì cũng không hẳn là tái diễn, đúng ra phải nói rằng bây giờ mới được minh chứng.

- Xin lỗi, tôi hơi tò mò một tí. Chuyện gì thế ?

An hơi do dự. Tính tiếp:

- “Nếu chuyện tế nhị quá thì thôi, ông không cần phải nói”.

- Chẳng tế nhị gì. Chuyện liên quan tới tín ngưỡng của hai chúng tôi ấy mà. Bà ấy thì cứ khẳng khẳng cho rằng để tồn tại thì dứt khoát “đi với bụt phải mặc áo cà sa, đi với ma phải mặc áo giấy”. Quan điểm của tôi thì lại khác. Đã là sen thì giữa bùn cũng vẫn là sen. Đã là Ki-tô hữu thì ở đâu cũng phải là Ki-tô hữu. Men được vùi vào trong bột là để bột dậy men, chứ ai đòi lại để cho men thành bột. May mà thế giới này chỉ có một loài cắc kè, có

thêm vài loài nữa, không hiểu rồi vũ trụ này sẽ đi về đâu. Tính gật gù, đặt tay lên vai An nói:

- “Chú An này, chú nhỏ tuổi hơn tôi, nên tôi gọi chú bằng chú cho thân mật. Tôi nói thật cho chú nghe nha: đúng là trong thế giới loài vật, chỉ có một loại cắc kè thật. Còn trong thế giới loài người, thì ôi chao, cả nghìn loài cắc kè, chú ơi: những kẻ cơ hội chủ nghĩa, những tên ba phải, những kẻ chỉ biết nghĩ tới mình, những kẻ lạm dụng người khác, những tên vượt đuôi nịnh bợ... đều là cắc kè hết. Cắc kè thay đổi màu da làm gì, nếu không phải để dễ bắt mồi ? Nếu thế thì tất cả những ai chỉ biết tìm kiếm quyền lợi của mình mà không biết nghĩ tới quyền lợi của người khác, đều là cắc kè. Tính nhìn thẳng vào mắt An, tiếp, tôi không phải là Ki-tô hữu, nhưng tôi rất phục ông Giê-su của chú, suốt đời chỉ muốn đem lại hạnh phúc cho mọi người. Luật yêu thương của ông rất cụ thể, rõ ràng “Muốn người khác

làm gì cho mình thì hãy làm cho người ta như thế”. Thật tuyệt! Điều thứ hai, tôi cũng rất khoái. Đó là ông bảo sống với nhau không cần phải thề thốt làm gì, cứ có nói có, không nói không là xong, thêm bớt đều do ác tà mà ra. Theo tôi, ai có nói có, không nói không thì đã là vĩ nhân, thánh hiền rồi. Nhưng các vĩ nhân thánh hiền loại này hiện nay hiếm lắm chú ơi.

An im lặng, gật gù, mắt hướng về xa xăm. Tính nhìn lung ra bên ngoài. Trời đang ửng sáng. Một vài bà đang vội vã gánh hàng ra chợ. Anh xích lô sau những chuyến chuyển xác ban đêm, vẫn đang ngủ gật ngưỡng trên xe. Tính bất chợt nắm tay An, tiếp:

- “Trước đây, người ta thật thà lắm kìa, chẳng hiểu sao bây giờ người ta lại gian dối như thế”. Rồi như nhớ ra chuyện gì, Tính hỏi: “Mà chú thím bắt đồng quan điểm về chuyện gì thế?”

Tính còn đang nói, thì Ngọc Hạnh mở mắt ra, ngơ ngác hỏi:

- “Tôi đang ở đâu đây ? Đây là đâu vậy?”

An sung sướng, nắm tay Hạnh, hỏi nhỏ: “Em có nhận ra ai đây không?”

- Anh An. Sao em lại ở đây ? Cu Ai đâu hả anh ?

- Thôi chào chú, thím. Tính nói.

Ngọc Hạnh vẫn còn ngơ ngác, hốt hoảng. An trấn an Hạnh:

- “Bình tĩnh lại em, chuyện còn dài lắm. Em thử nhớ lại xem có nhớ gì không nào!”. Hạnh im lặng. “Khi nào bà ấy mỉm cười được với ông, khi ấy mới chắc ăn”. Lời bác sĩ Lân lại vang lên trong đầu An. An giơ tay làm dấu thánh giá, hạnh phúc trào dâng trên khoé mắt.

- Em nhớ là, vừa ra khỏi ngõ thì nghe tiếng xe gầm rú rùng rợn, rồi... em không còn biết gì nữa.

- Bây giờ em thấy thế nào ?

- Đầu hơi rêm một chút, chân tay nhức mỏi. Cu Ai đâu hả anh ?



- Nó ở nhà với dì Vân. Anh phải vội vàng phone về cho cả hai bên nội, ngoại, sợ lỡ có chuyện gì... Em tỉnh được thế này là mừng lắm rồi. An mỉm cười với Hạnh, rồi tiếp:

- “Em giơ tay lên anh xem nào, tốt; tay kia, tốt; chân phải nào, tốt; chân trái, tốt. Như thế là ổn rồi. Tạ ơn Chúa”. Vừa nói, An vừa sung sướng áp tay Hạnh lên má mình.

Ngọc Hạnh phục hồi rất nhanh. Chiều nào An cũng dìu Hạnh ra hành lang hóng gió. Chiều nay, sau cơn mưa, trời lạnh. Hạnh nằm lại trong phòng. Chỉ mình An thơ thẩn, đứng nhìn chiều đang ập về trên phố. Gió thổi nhẹ. Một cánh dầu lặng lẽ rời khỏi cây, lao phịch xuống đất. Hình ảnh Tính nhạt nhoà trong trí An hệt như cánh dầu lẻ loi phơi mình trên đất trong chiều tàn sau cơn mưa. Sáng sớm nay, Tính đã phải lặng lẽ ôm xác người con duy nhất về bên kia thế giới. Mười chín năm cuộc đời, chưa kịp cho người ta gọi

tên, đã vội lao vào quên lãng. Đặt con lên Taxi xong, Tính bắt tay An, nói: “Nó chết thật rồi”. Không để cho An an ủi, Tính bước vội lên xe, đóng sầm cửa lại. Xe lao thẳng vào màn đêm vẫn còn đầy đặc tăm tối.

Phía cổng sau, tiếng chân người lại chạy thành thịch, tiếng còi xe lại í ới. Chẳng cần ngoái lại nhìn, An cũng biết một người nữa đang rời xa nhân loại. Suốt tuần nay nuôi Hạnh, An đã thấy, ở phòng cấp cứu này, mười người vào, thì hết tám người ra, chỉ còn lại hai, mà là hai người thương tật. Trong cảnh nhá nhem, An nhớ lại như in những gì Tính nói. “Ai có nói có, không nói không, thì đã là vĩ nhân, thánh hiền rồi”. Không chỉ là vĩ nhân, thánh hiền thôi, mà còn là hiện thân của Đức Ki-tô nữa, An tự nhủ. Thiên Chúa tạo dựng nên người ta theo hình ảnh Ngài làm gì, nếu không phải để người ta được nên như Ngài. Chúa Giê-su làm người làm gì, nếu không phải là để cho Thiên Chúa trở nên hữu hình

trong người ta. Ngài lập bí tích Thánh Thể làm gì, nếu không phải để tiếp tục nhập thể trong những người tiếp đón Ngài, để làm cho họ nên hình ảnh hữu hình của Ngài. Rước lễ mà không làm cho mình trở thành hình ảnh hữu hình của Chúa Giê-su là làm hư đi bí tích Chúa Giê-su đã thiết lập....” An bắt đầu chìm ngập trong suy nghĩ miên man. “Tôi là hình ảnh hữu hình của Chúa Giê-su”. An mỉm cười sung sướng.



Cả tháng nay, Hạnh cứ bần khoản mãi. Hai vợ chồng, vốn liếng chẳng bao nhiêu, tai nạn thế này, lấy tiền đâu ra mà chi trả. Nghe đâu, Hạnh phải vào hai lít máu. An chỉ cho Hạnh được 250cc, còn gần hai lít nữa lấy gì mà mua. Lần nào Hạnh hỏi, An cũng chỉ cười không nói. Thấy An như vừa đi, vừa tung tăng, nháy nhót, Hạnh nhõng nhẽo:

“Anh có gì vui thế, sao không nói cho em biết với!”. An

chưa kịp trả lời, Hạnh đã tiếp: “Mua máu cho em hết nhiều tiền lắm phải không anh?”

- Có mất đồng nào đâu, lấy hết máu của anh truyền cho em mà. An hóm hỉnh nói.

- Em hỏi thật mà anh cứ ghẹo em hoài, chán anh ghê!

- Thật mà! An nheo mắt tiếp. Em có nhớ các Nu tu Dòng con Đức Mẹ Sầu Bi không?

- Con Đức Mẹ Sầu Bi. Hạnh cau mày, lẩm bẩm “Con Đức Mẹ sầu bi”, ở đâu mới được chứ! Hạnh hỏi.

- Ở gần tiệm Quế Chi. An nắm lấy bàn tay Hạnh, bóp nhẹ tỏ dấu thông cảm. Tiệm thuốc tây Quế Chi nhạt nhòa trong tâm trí Hạnh. Hạnh chìm dần vào trong dĩ vãng, trong tiếc nuối, khó xử. Mặt Hạnh bệch ra. Mắt u buồn. An an ủi: “Các soeurs đã cho em máu, 07 soeurs với anh là 08, đủ hai lít. Thôi nghỉ ngơi đi cho khỏe” □

(Còn tiếp)



▪ **Tuyên Ngôn Của Tòa Thánh Về Vụ Truyền Chức Giám Mục Tại Sán Đầu Bên Trung Quốc**

Về lễ phong chức giám mục cho linh mục Giu-se Huỳnh Bình Chương diễn ra ngày thứ Năm, 14 tháng Bảy 2011, Tòa Thánh minh định như sau:

1) Linh mục Giu-se Huỳnh Bình Chương, đã được truyền chức mà không có sự ủy nhiệm của Đức giáo hoàng, do đó là bất hợp pháp, phải chịu các hình phạt đề ra tại khoản 1382 của Bộ Giáo luật. Vì vậy, Tòa Thánh không công nhận cha là Giám mục của Giáo phận Sán Đầu, và cha không được quyền cai quản cộng đoàn Công giáo của Giáo phận.

Trước đó linh mục Huỳnh Bình Chương đã được thông báo là không được Tòa Thánh chấp nhận là ứng viên giám mục, vì Giáo phận Sán Đầu đã có một Giám mục hợp pháp; nhiều lần linh mục Huỳnh đã được yêu



cầu không chấp nhận việc truyền chức giám mục.

2) Từ nhiều nguồn tin khác nhau Tòa Thánh đã biết về việc một vài Giám mục, được chính quyền dân sự tiếp

xúc, đã bày tỏ ý muốn không tham dự vào việc truyền chức bất hợp pháp, và đã chống lại bằng nhiều cách, tuy nhiên được biết các Giám mục này vẫn bị buộc phải tham dự.

Về sự chống đối này, cần ghi nhận rằng hành động ấy có công trước mặt Chúa và phải được toàn thể Giáo hội đánh giá cao. Giáo hội cũng cần đánh giá cao các linh mục, tu sĩ và các tín hữu đã bênh vực các chủ chăn của mình, bằng cách đồng hành với các vị trong lúc khó khăn này qua lời cầu nguyện và chia sẻ nỗi khổ đau sâu xa của các vị.

3) Tòa Thánh tái khẳng định quyền của người Công giáo Trung Quốc, họ phải được tự do hành động, theo lương tâm của mình và trung thành với Người kế vị Thánh Phê-rô và hiệp thông với Giáo Hội hoàn vũ.

Đức Thánh Cha, sau khi biết được các biến cố này, một lần nữa phê phán cách đối xử với Giáo hội tại Trung Quốc và mong

sao những khó khăn hiện nay có thể vượt qua càng sớm càng tốt.

### ▪ Các Tân Linh Mục TGP. TP.HCM Nhận Bài Sai

Vào lúc 10 giờ sáng ngày 13/07/2011, các tân linh mục vừa chịu chức ngày 29/06/2011 đã đến trình diện ĐHY GBt. Phạm Minh Mẫn tại Tòa Tổng Giám mục để nghe vị cha chung của Giáo phận dặn dò, khích lệ và trao bài sai cho các tân chức về các giáo xứ. Sau đây là danh sách các tân linh mục nhận bài sai đi thực tập mục vụ tại các xứ đạo trong Giáo phận:

1. Phê-rô Phạm Quang Ân, phụ tá gx. Bình An Thượng
2. GBt. Đào Quốc Chung, phụ tá gx. Trung Mỹ Tây
3. Giu-se Nguyễn Hữu Danh, phụ tá gx. Sao Mai
4. Giu-se Nguyễn Trọng Hiếu, phụ tá gx. Phú Nhuận và giúp Tòa Án Hôn Phối TGP.
5. Đa-minh Nguyễn Tiến Hùng, phụ tá gx. Xóm Chiếu

6. Vinh Sơn Đỗ Viết Khôi, phụ tá gx. Tử Đình
7. Giu-se Đinh Quang Lâm, phụ tá gx. Phú Bình
8. Phan-xi-cô Ass. Lê Hoàng Lâm, phụ tá gx. Tân Phước
9. Giu-se Vũ Hữu Phước, phụ tá gx. Phú Thọ Hoà
10. Phê-rô Ngô Lập Quốc, phụ tá gx. Phú Trung
11. Giu-se Trần Viết Thái, phụ tá gx. Thái Bình
12. Giu-se Phạm Văn Thới, phụ tá gx. Tân Phú
13. Giu-se Cao Minh Triết, phụ tá gx. An Nhơn
14. Giu-se Ngô Vũ Anh Tuấn, phụ tá gx. Bà Điểm
15. Frédéric Cao Lê Minh Vương, phụ tá gx. Chợ Quán.

▪ **SENATUS VIỆT NAM THĂM MIỀN BẮC THÁNG 06.2011**

Từ ngày 06.06.2011 đến 30.06.2011 Senatus Việt Nam đã có chuyến công tác thăm các đơn vị miền Bắc và miền Trung. Mục đích của chuyến

công tác này là thăm viếng, củng cố, chuẩn bị cuộc bầu cử nhiệm kỳ mới, định hướng, giải đáp mọi vấn nạn liên quan đến Thủ bản và những vướng mắc trong sinh hoạt tại địa phương. Đồng thời động viên Anh Chị Em của các đơn vị sống tích cực tinh thần Legio vốn sẵn có và dấn thân hơn nữa cho công cuộc Truyền giáo.

Lộ trình cho chuyến công tác do 2 Phái viên của HĐQT Senatus là: Gio-a-kim Hoàng Văn Thái và GBt. Nguyễn Ngọc Quang thực hiện.

Xin dâng lời cảm tạ Nữ Vương Ban Sự Bình An đã đồng hành cùng chúng con – Cảm ơn Quý Anh Chị Ủy viên các cấp đã tận tình giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ HĐQT Senatus trên các tuyến đường.

# Thư Mời



**KHÁNH THÀNH ĐỢT II HỒ TĨNH TÂM  
NHÂN NGÀY TRUYỀN THỐNG LEGIO MARIAE VIỆT NAM  
90 NĂM LEGIO MARIAE HIỆN DIỆN (07/09/1921 - 07/09/2011)**

Ban Quản trị Hội đồng Senatus Việt Nam trân trọng kính mời:

Quý Cha Linh Giám, Quý anh chị Ủy viên, hội viên Legio  
Mariae Việt Nam về Hiệp dâng Thánh lễ Tạ Ơn, mừng ngày:

**Khánh Thành Đợt II Hồ Tĩnh Tâm, ngày Truyền Thống Legio  
Mariae Việt Nam và 90 năm Legio Mariae Hiện Diện.**

Được tổ chức tại: **Trung Tâm Thánh Mẫu Toàn Quốc La Vang**  
vào lúc: **08 giờ, ngày 12 tháng 08 năm 2011.**

Trân trọng kính mời

Tp. HCM, ngày 02 tháng 07 năm 2011

**LINH GIÁM SENATUS VN**

**TM. BQT/HĐ SENATUS VN**



Lm. Phê-rô Nguyễn Công Danh

Dom. M. Đỗ Ngọc Phác

# THIÊN CUNG THÁNH TRIỆU

*“Xin đừng giữ tôi lại. Thiên Chúa đã cho chuyến đi của tôi thành công, xin cho tôi đi, để tôi trở về với chủ của tôi” (St 24, 56).*

## OREMUS PRO DEFUNCTIS

*Giờ cuối cùng của đời chiến đấu đã điểm, người Legio chết cách hiên ngang. Cho đến giờ, anh đã bền vững phục vụ Legio. Đời đời anh là người Legio, chính Legio là thể chất, là khuôn đúc nên đời sống vĩnh cửu cho anh” (TB 17, 186).*

Trong niềm tin vào Đức Giê-su Ki-tô Phục sinh, xin anh chị em hiệp thông cầu nguyện cho quý vị ân nhân, hội viên và thân nhân của Legio Mariae chúng ta đã an nghỉ trong Chúa trong thời gian từ 16.05.2011 – 18.07.2011

### ✘ Comitium Sài Gòn 2

Ma-ri-a Nhữ Thị Nguyệt

### ✘ Comitium Sài Gòn 3

1. Ma-ri-a Nguyễn Thị Hiên, 69<sup>t</sup> HVTT Pr Trái tim vẹn sạch Đức Mẹ, Curia Tân Bình

2. Phê-rô Vũ Khắc Khang, 91<sup>t</sup> HVTT Pr Đức Mẹ rất đáng ngợi khen, Curia Xóm Mới

### ✘ Comitium Ban Mê Thuật

Phao-lô Nguyễn Quốc Khánh, 60<sup>t</sup>

### ✘ Comitium Bảo Lộc

1. Phao-lô Nguyễn Văn Tam, sinh 1950, HVTT Pr Nữ Vương các thánh tử đạo, Curia Quảng Lâm

2. Giu-se Trương Nhậm, sinh 1930, thân phụ anh anh Phê-ro Trương Minh Tuấn, HVHĐ Pr Đức Bà là gương nhân đức

3. Giu-se Nguyễn Quốc Hậu, sinh 1979, con trai HVHĐ Pr Đức Bà là gương nhân đức

4. Tê-rê-sa Ma-ri-a Đỗ Thị Liêng, sinh 1934, HVHĐ PR Đức Mẹ cực tinh cực sạch - Thánh Mẫu

5. Ba-tô-lô-mê-ô Nguyễn Văn Thế, 77<sup>t</sup>, HVTT Pr Đức Mẹ mân côi - Thanh Xuân

### ✘ Comitium Long Khánh

Giu-se Trương Văn Mô, 76<sup>t</sup>,  
Curia Minh Hòa

✘ **Comitium Thanh Hóa**

Tê-rê-sa Nguyễn Thị Thục,  
81<sup>t</sup>, HVHĐ Pr Đức Mẹ mân  
côi, Curia Sông Mã

✘ **Comitium Đà Lạt**

Phan-xi-cô Tạ Văn Dự, 87<sup>t</sup>, nhạc phụ  
chị thủ quỹ hội đồng Com Đà Lạt

✘ **Comitium Gia Phương**

1. Phê-rô Ma-ri-a Phạm Đình  
Chưởng, Trưởng Curia Gia Tân
2. Phao-lô Trần Văn Rinh, 87<sup>t</sup>  
cựu Trưởng Pr Đức Bà như sao  
mai sáng, Curia Ngọc Lâm
3. Tê-rê-sa Nguyễn Thị Nhưồng,  
HVTT Curia Ngọc Thanh
4. Ma-ri-a Phạm Thị Khung, thân  
mẫu HVHĐ Curia Phương Lâm
5. Tê-rê-sa Phạm Thị Mầu,  
HVTT Curia Bình Lâm

✘ **Curia Gia Định**

1. Ma-ri-a Trần Thị Thanh Lan, 59<sup>t</sup>,  
nguyên phó Pr Nữ Vương Thừa Sai
2. Phê-rô Nguyễn Văn Thành, 85<sup>t</sup>,  
Pr Đức Bà phù hộ các giáo hữu

✘ **Curia Thủ Đức 1**

Ma-ri-a Nguyễn Thị Khôi, sinh  
1932, HVHĐ Pr Đức Mẹ Lên Trời

✘ **Curia Thủ Đức 3**

1. Phao-lô Nguyễn Văn Mùa,  
82<sup>t</sup> HVTT Pr Đức Mẹ Mân Côi
2. Giu-se Nguyễn Văn Thiêm, 75<sup>t</sup>  
Pr Đức Bà là hòm bia Thiên Chúa

\* **Australia:** Gioan Trần Khôi Việt,  
nguyên trưởng Curia NSW Sydney.

✘ **Comitium Đà Nẵng**

Phê-rô Nguyễn Văn Thuận  
91<sup>t</sup> HVHĐ, thân phụ của chị  
Tê-rê-sa Nguyễn Thị Thanh  
Nga, PTTQ Com. Đà Nẵng.

Xin Thiên Thần Chúa dẫn đưa các linh hồn này vào cửa sự sống trong nước Chúa, như lời Chúa hứa: *“Ta sẽ mở cho con cánh cửa không ai có thể đóng lại lại được. Vì con tuy yếu đuối, nhưng con đã giữ Lời Ta và đã không chối bỏ danh Ta”* (Kh 3, 8).

**Ban Thường Trục Hội Đồng Quản Trị Senatus Việt Nam.**